



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn Phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hòa Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 3.9737277 - 3.9737278 - 3.9737276 * Fax: (84.8) 3.9737279
- Nhà Máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
ĐT: (84) 072.3779328 * Fax: (84) 072.3779255
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 19/2020/CV-TDH

TP.HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
Điện thoại : (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279
Mã chứng khoán : TPC
Sàn niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Người thực hiện công bố thông tin: **Tôn Thị Hồng Minh** – P.Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám Đốc
Loại thông tin công bố: 24h 72h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:
- Báo cáo thường niên năm 2019./

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/04/2020 tại đường dẫn: <http://tandaihungplastic.com/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
P.CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH
Tôn Thị Hồng Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG
TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Mục lục

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

I.Thông tin khái quát.	Trang 2	Đến trang 3
II.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	Trang 3	Đến trang 3
III.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	Trang 4	Đến trang 5
IV. Định hướng phát triển.	Trang 5	Đến trang 7
V.Phòng chống rủi ro.	Trang 7	Đến trang 7

Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

I.Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	Trang 08	Đến trang 09
II.Tổ chức và nhân sự.	Trang 09	Đến trang 10
III.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	Trang 10	Đến trang 11
IV.Tình hình tài chính.	Trang 11	Đến trang 12
V.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	Trang 12	Đến trang 15
VI.Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	Trang 15	Đến trang 18

Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Trang 19	Đến trang 20
II.Tình hình tài chính.	Trang 20	Đến trang 22
III.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	Trang 22	Đến trang 22
IV.Kế hoạch phát triển trong tương lai.	Trang 22	Đến trang 25
V.Ý kiến của Ban Giám Đốc đối với ý kiến của Kiểm toán.	Trang 25	Đến trang 25
VI.Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.	Trang 25	Đến trang 25

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.	Trang 26	Đến trang 30
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.	Trang 30	Đến trang 30
III.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.	Trang 31	Đến trang 31

Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I.Hội đồng quản trị.	Trang 32	Đến trang 35
II.Ban kiểm soát.	Trang 36	Đến trang 37
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.	Trang 38	Đến trang 38

Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

I.Ý kiến kiểm toán.	Trang 43	Đến trang 43
II.Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty A&C.	Trang 39	Đến trang 78

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Kính thưa quý cổ đông,



Năm 2019, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất ổn, đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục giảm lãi suất cơ bản, giá dầu biến động... So với dự báo đầu năm 2019, hầu hết các số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2019 giảm, chỉ ở mức 2,9%. Tăng trưởng thương mại quốc tế cũng chỉ đạt 2,5%, mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Ở Việt Nam, so với các ngành công nghiệp lâu đời khác (như cơ khí, điện - điện tử, hoá chất, dệt may...) ngành công nghiệp nhựa còn khá mới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ngành Nhựa Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ, với mức tăng hàng năm từ 16% - 18%/năm (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), có những mặt hàng tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%. Với tốc độ phát triển nhanh, ngành Nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế Việt Nam

Tuy nhiên, ngành Nhựa hiện nay đối mặt với một số khó khăn đó là chưa chủ động được nguồn nguyên liệu và phải nhập khẩu của nước ngoài, nên giá cả thành phẩm còn bấp bênh, không ổn định, nên mặc dù có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây nhưng ngành Nhựa Việt Nam chủ yếu được biết đến như một ngành gia công chất dẻo, giá trị gia tăng thấp.

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì nhựa thiên về xuất khẩu, trong năm qua, Tân Đại Hưng vẫn trung thành với các giá trị cốt lõi, kiên định với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược, không ngừng củng cố các lợi thế cạnh tranh: chất lượng, sản lượng, giá thành, giữ vững uy tín của Thương Hiệu trong các thị trường mục tiêu xuất khẩu và nội địa.

Trong suốt quá trình 2019, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành luôn tuân thủ thống nhất theo các định hướng năng động - kỷ cương - minh bạch - chuyên nghiệp - hiệu quả, đảm bảo tài sản nguồn vốn và tình hình tài chính công ty lành mạnh, đề cao phòng tránh rủi ro không để phát sinh hệ lụy. Công ty đã nỗ lực mở rộng tiếp thị để có nhiều đơn hàng hơn, tìm kiếm khai thác cơ hội trong các thị trường mục tiêu; tiếp tục đầu tư đổi mới thêm nhiều máy móc thiết bị nhằm tiếp tục nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm giá thành; duy trì ổn định đội ngũ quản lý và công nhân cũng như hệ thống cung ứng gia công đầu vào và bán thành phẩm.

Sau một năm phấn đấu trong nhiều biến đổi, khó khăn của môi trường kinh doanh và cạnh tranh, với nỗ lực và tâm huyết của mình, Tân Đại Hưng đạt khá tốt các chỉ tiêu chính yếu do Đại Hội Cổ Đông đề ra của năm 2019: sản lượng đạt 112%, doanh thu đạt 121,34%, lợi nhuận sau thuế đạt 84,32% chỉ tiêu kế hoạch năm 2019. So sánh với kết quả năm 2018, sản lượng tăng 108%, doanh thu tăng 118% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 69,93%.

Chặng đường sắp tới, tình hình kinh tế, chính trị, môi trường, dịch bệnh trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, nhưng kết quả đạt được trong những năm qua là cơ sở để công ty tiếp tục phát triển một cách bền vững. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty cũng như Ban Giám Đốc vững tin rằng với những định hướng sát đúng với thị trường, giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi, được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, Tân Đại Hưng sẽ tiếp tục gặt hái thành công mới trong thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Trân trọng,
PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

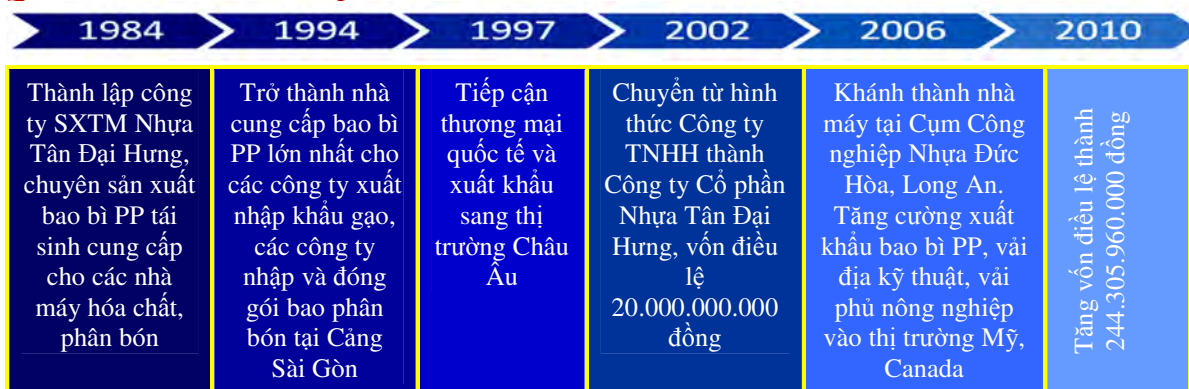
I. Thông tin khái quát



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 06 năm 2013.
Vốn điều lệ:	244.305.960.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	244.305.960.000 đồng.
Địa chỉ trụ sở văn phòng:	414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.
Số điện thoại:	+84 (028) 39 73 72 77
Số fax:	+84 (028) 39 73 72 79
Website:	http://www.tandaihungplastic.com
Email:	tdhplastic@gmail.com
Mã cổ phiếu:	TPC

Quá trình hình thành và phát triển

1) *Quá trình hình thành và phát triển*



2) *Quá trình Niêm yết :*

Ngày 28/11/2007	Chính thức giao dịch 10.400.000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
Ngày 30/09/2008	Niêm yết bổ sung 10.146.000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDCK TPHCM ngày 30/09/2008.
Ngày 20/08/2010	Niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK TPHCM ngày 11/08/2010.
Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông.
Mã chứng khoán	TPC.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.430.596 cổ phiếu. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.516.956 cổ phiếu (<i>giao dịch tự do</i>). ▪ Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.913.640 cổ phiếu. 	

3) Các sự kiện khác:

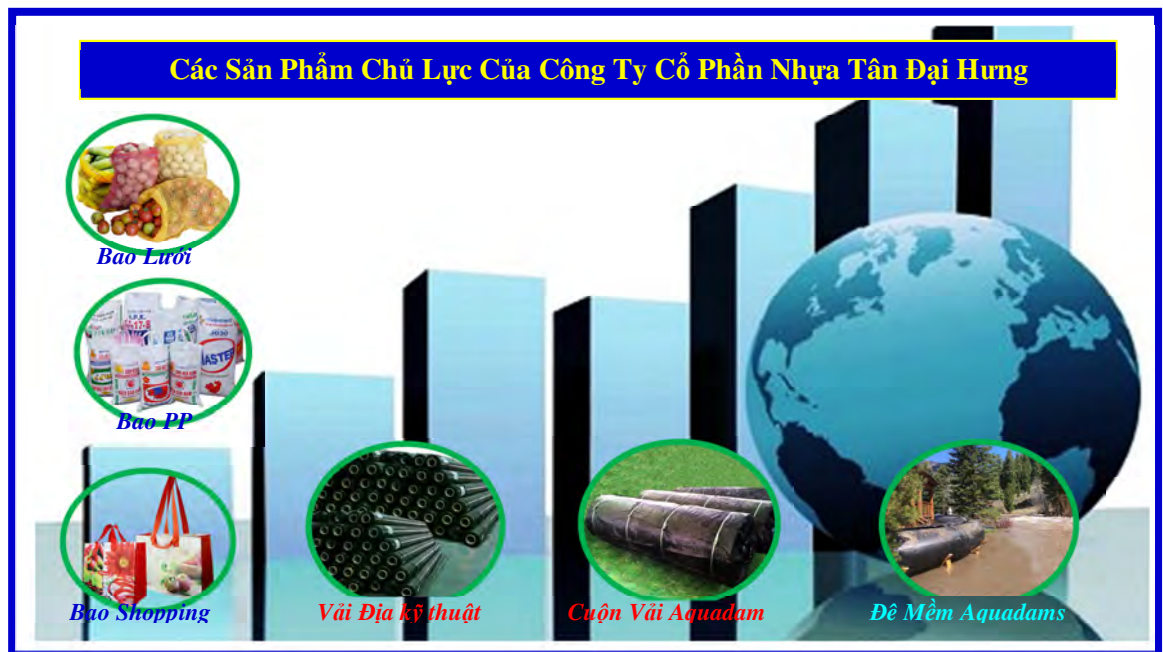


<i>Từ năm 2003</i>	Áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.
<i>27/2/2007</i>	Được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.
<i>Tháng 5/2009</i>	Được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”.
<i>Từ Năm 2003</i>	Được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.



Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

2) Địa bàn kinh doanh:

Thị trường xuất khẩu	Các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật và aquadams xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 65% - 75% trong tổng doanh thu hàng năm.
Thị trường nội địa	Các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ.

III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2) Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng



- **Hội Đồng Quản trị gồm:** 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 thành viên.
- **Ban Giám Đốc gồm:** 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- **Bộ phận kinh doanh & cung ứng:** đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, & gia công các công đoạn, do 01 Phó TGD phụ trách.
- **Bộ phận hành chính & nhân sự:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do 01 Phó
- **Bộ phận Tài chính kế toán:** đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- **Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (*sản xuất và phục vụ sản xuất*), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- **Bộ phận kế hoạch & sản xuất & gia công:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và, các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất & Gia công phụ trách.
 - **Phân xưởng 1:** gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (*bao PP*).
 - **Phân xưởng 2:** gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, Vặn hồng, In.
 - **Phân xưởng 3:** gồm 2 nhóm công đoạn Cắt & May và LDPT & Đóng kiện.
 - **Phân xưởng 4:** gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (*Vải địa kỹ thuật*).

Trong mô hình công ty Mẹ -Con:

- *Trụ sở công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:* là nơi giao dịch chính thức của công ty, nơi hoạt động thường xuyên của HĐQT và các bộ phận chức năng tài chính và kinh doanh cung ứng.
- *Nhà máy (Công ty TNHH TĐH) tại Long An:* là nơi hoạt động thường xuyên của BGD và các bộ phận chức năng khác của công ty.

3) Các công ty con, công ty liên kết.

- **Công ty con:** Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Công ty liên kết:** Không có.

IV. Định hướng phát triển

1) Định hướng tổng thể:



Tâm nhìn	Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phát triển liên tục và bền vững cùng với ngành nhựa Việt Nam, gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và lợi ích xã hội.
Sứ mệnh	Trở thành trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực; phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào thị trường quốc tế theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none">□ Minh Bạch: Công bố thông tin đầy đủ, các dữ liệu và số liệu của công ty rõ ràng, rành mạch, trung thực.□ Kỷ Cương: Tất cả tổ chức và hoạt động của công ty đúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các chính sách qui định qui trình nội bộ.□ Chuyên Nghiệp: Công ty sản xuất kinh doanh bao bì nhựa hơn 30 năm, cán bộ công nhân năng động, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, được sắp xếp phù hợp với năng lực trong môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, phù hợp với văn hóa công ty và tinh thần đội ngũ (<i>team-work</i>).□ Cạnh Tranh: Tân Đại Hưng là Thương Hiệu uy tín, đảm bảo Chất Lượng, đáp ứng sản lượng lớn, giá cả có lợi cho khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hẹn, thực hiện đúng đủ những thoản thuận và cam kết với khách hàng.□ Hiệu Quả: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang đến lợi ích thiết thực và tốt nhất cho các đối tác và khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

2) Chiến lược tổng thể trung và dài hạn (đến năm 2024)

Mục tiêu	Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân >10% hằng năm, giữ vững vị trí trong top 3 ngành bao bì nhựa của Việt nam.
Thương hiệu	Tiếp thị nhạy bén, nắm bắt xu hướng và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng, cơ cấu sản phẩm đáp ứng được sự cạnh tranh về giá bán, duy trì thương hiệu hàng đầu về bao bì, chọn lựa đối tác kết nối hợp lý trong chuỗi giá trị quốc tế.
Chất lượng sản phẩm	Lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm cạnh tranh và lấy công nghệ sản xuất tiên tiến làm nền tảng cho sự phát triển.
Công nghệ sản xuất	Liên tục cải tiến đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị, tối ưu hóa các dòng sản phẩm và qui trình sản xuất, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển nhằm cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
Năng suất và sản lượng	Vận dụng Lean Production và 5S nhằm loại bỏ các lãng phí và giảm chi phí, hợp lý hoá quy trình sản xuất, ngăn ngừa sai lỗi ngay từ khâu đầu tiên, gia tăng hiệu suất và hiệu quả các quá trình sản xuất tổng thể và mỗi công đoạn.
Tài chính	Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro, đảm bảo tình hình tài chính công ty lành mạnh, đạt các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức hàng năm.
Quản trị	Liên tục cập nhật, vận dụng các hệ thống quản trị tiên tiến nâng cao năng lực quản trị điều hành công ty phù hợp theo sự phát triển công nghiệp 4.0, xây dựng môi trường làm việc thu hút nguồn nhân lực, mời gọi nhân tài.
Xây dựng và phát triển văn hoá	Xây dựng tư duy quản trị tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên dựa trên nền tảng nguồn nhân lực năng động sáng tạo, chuyên môn cao. Xây dựng một tác phong chuyên nghiệp, tất cả vì lợi ích cao nhất của khách hàng.

3) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020.



TT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2020	Ghi chú
1	Sản lượng bao bì (tấn)	15.029	Tăng 1,5 % so với chỉ tiêu 2019, thấp hơn 9,4% so với kết quả năm 2019.
2	Doanh thu bao bì (tỷ)	625,347	Giảm 0,3 % so với chỉ tiêu 2019, và giảm 17,8 % so với kết quả 2019.
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	20	Giảm 20 % so với chỉ tiêu 2019, và giảm 5 % so với kết quả 2019.
4	Mức chia cổ tức (%)	8,9%	Giảm 5,3% so với kết quả 2019
5	Tỷ lệ phế/thành phẩm (%)	≤ 6%	Như năm 2019
6	Công tác xã hội	Trích 1 tỷ lợi nhuận trước thuế năm 2020 để tài trợ từ thiện (cho lĩnh vực y tế và giáo dục). HĐQT sẽ phối hợp với các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện và giám sát kiểm tra.	

Tình hình thị trường năm 2020 được dự báo sẽ có nhiều biến động, khó lường trước những khó khăn do chiến tranh kinh tế giữa Mỹ và Trung quốc, Brexit ảnh hưởng trực tiếp đến các thị trường mục tiêu của công ty, đặc biệt là dịch Covid-19 đang lan rộng hầu hết các quốc gia trên toàn cầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế thế giới.

Vì vậy chỉ tiêu sản lượng, doanh thu bao bì & lợi nhuận sau thuế năm 2020 được xây dựng thấp hơn kết quả đạt được năm 2019.

4) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Tân Đại Hưng luôn đặt mục tiêu kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong các hoạt động, Công ty quan tâm công tác xã hội và chú trọng chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CB – CNV tại Công ty. Công ty cam kết đảm bảo liên tục:

- Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu tiêu hao năng lượng, cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất. Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tổ chức thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (các địa bàn trụ sở và nhà máy).

V. Phòng chống các rủi ro:

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

Lĩnh vực rủi ro	Nhóm giải pháp và biện pháp
Pháp luật	Thay đổi về thể chế, chính sách, pháp luật sẽ được theo dõi và thay đổi kịp thời để đảm bảo tổ chức và hoạt động công ty luôn hiệu quả..
Thị trường và khách hàng	Cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng, có những chiêu thức marketing và bán hàng phù hợp.
Giá nguyên liệu	Theo dõi xu hướng thay đổi của giá nguyên liệu để quyết định mua và tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa biến động giá nguyên liệu tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
Tỷ giá và lãi suất ngân hàng	Theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh; kiểm soát thay đổi hạn mức và lãi suất vay ngân hàng để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình mua nguyên vật liệu cho sản xuất và hiệu quả hoạt động chung của công ty.
Giao nhận, vận chuyển	Thực hiện bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
Công nghệ	Theo dõi thay đổi công nghệ sản xuất trong thời đại công nghiệp 4.0, có những dự báo và kế hoạch để chuyển đổi phù hợp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.
Chất lượng	Chọn nhiều nhà cung cấp và sản xuất thử mẫu, đánh giá nguyên liệu. Kiểm tra kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu và tất cả công đoạn, tránh rủi ro trong quá trình sản xuất, dẫn đến chất lượng các thành phẩm không đảm bảo.
Thanh toán	Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu.
Lao động	Tình trạng dịch chuyển lao động có xu hướng tăng: đào tạo để nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất mới, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.
Thông tin và internet	Nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty.
Cơ sở hạ tầng	Lắp đặt hệ thống thiết bị giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chủ động phòng chống cháy nổ, giông bão, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại tài sản và uy tín công ty.
Giao dịch chứng khoán	Theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thao túng, đầu tư.

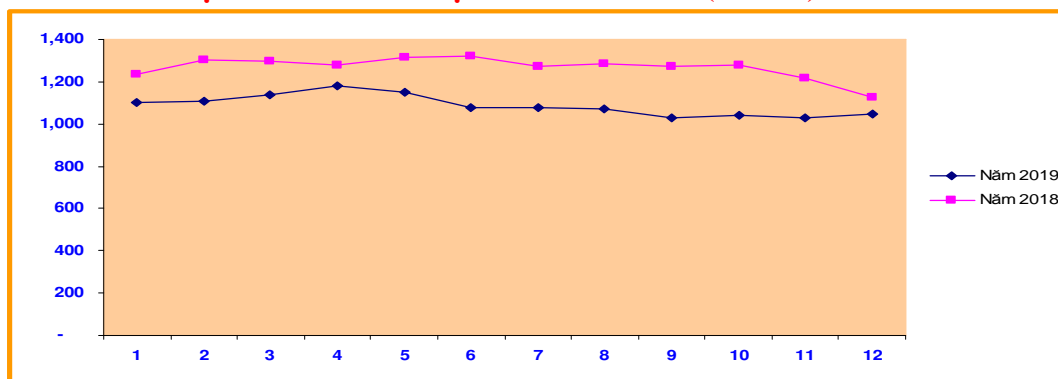
Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

	Tình hình môi trường kinh doanh 2019	Nhóm giải pháp đã thực thi
✚	Giá các nguyên liệu chủ yếu của sản xuất bao bì trong năm 2019 diễn biến giảm liên tục. Giá bình quân năm 2019 giảm 14% so với năm 2018. Khách hàng liên tục đòi giảm giá bán. Trong khi chi phí sản xuất, nhân công tăng. Do đó ảnh hưởng lớn đến chi phí giá thành & lợi nhuận của công ty.	Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm tùy theo tình hình, tiếp thị khách hàng thị trường mới, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí SX, giá bán cạnh tranh.
✚	Thị trường XUẤT KHẨU : Áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước SX xuất khẩu ngày càng gay gắt. Các doanh nghiệp xuất khẩu phải tăng giá mua gia công, tăng lương công nhân để thu hút nguồn nhân lực. Trong khi giá bán phải cạnh tranh giảm nhiều.	Kiểm soát chi phí sản xuất, tăng năng suất, loại bỏ lãng phí, tăng sử dụng nguyên liệu tái sinh giảm giá thành, giá bán và áp dụng thanh toán linh hoạt tùy theo từng khách hàng để tăng sức cạnh tranh.
✚	Thị trường NỘI ĐỊA : Ngành thức ăn gia súc bị ảnh hưởng lớn bởi dịch tả lợn Châu phi khiến mảng kinh doanh bao bì thức ăn gia súc bị ảnh hưởng mạnh.	Tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng (đơn hàng số lượng lớn) trong lĩnh vực khác như : thức ăn thủy sản, phân bón.

DIỄN BIẾN THỊ GIÁ NGUYÊN LIỆU PP – NĂM 2019 (usd/tấn)



- Giá PP bình quân năm 2019 giảm nhiều, thấp hơn giá bình quân năm 2018 tới 14%

2) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% So với Kế hoạch
1	Sản lượng bao bì (tấn)	14,813	16,591	112.00%
2	Doanh thu: (triệu đồng)	627,284	761,177	121.34%
3	Lợi nhuận: (triệu đồng)	25,000	21,080	84.32%

Trong đó:

- **Tổng sản lượng thực hiện** : 16.591 tấn (tăng 12% so với kế hoạch năm).
 - Sản lượng XK đạt : 9.512,8 tấn, chiếm 57% tổng sản lượng.
 - Sản lượng nội địa : 7.078,2 tấn, chiếm 43% tổng sản lượng.
- **Tổng doanh thu bán hàng** : 761.177 triệu (tăng 21% so với kế hoạch năm).
 - Doanh thu XK : 493.861 triệu đồng chiếm 65% tổng doanh thu.
 - Doanh thu nội địa : 267.315 triệu đồng chiếm 35% tổng doanh thu.

b) So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2019 với năm 2018:

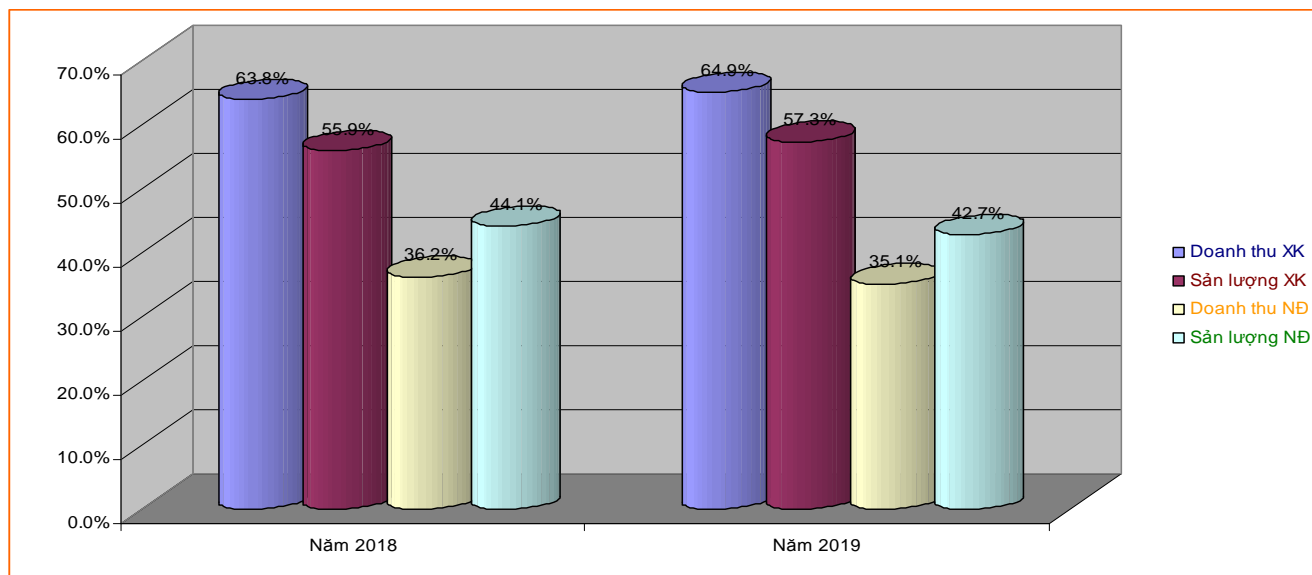
TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	So sánh 2019/2018
1	Sản lượng bao bì (tấn)	16,591	14,975	110.79%
2	Doanh thu: (triệu đồng)	761,177	680,758	111.81%
3	Lợi nhuận: (triệu đồng)	21,080	30,143	69.93%

✚ **Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường đạt được như sau:**

Sản lượng bán ra	Tấn	%
Xuất khẩu	9,512.80	57.3%
Nội địa	7,078.30	42.7%
Tổng sản lượng	16,591.10	100.00 %

Doanh thu bán ra	Doanh thu	%
Xuất khẩu	493,861.59	64.9%
Nội địa	267,315.80	35.1%
Tổng sản lượng	761,177.39	100.00 %

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG & DOANH THU THEO KHU VỰC THỊ TRƯỜNG



Chiến lược ưu tiên xuất khẩu của công ty là phù hợp với tính chất mục tiêu chiến lược của Công ty đã đưa ra 65% Xuất khẩu và 35% là kinh doanh nội địa.

II. Tổ chức và nhân sự

1) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (20/03/2020)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TCHC	Tổng GD	55,000	2.23%
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐHKT	Phó TGD	704,000	2.88%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐHTCKT	KTT kiêm GĐTC	177,160	0.73%
4	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐHKT	GD SX & GC	7,000	0.03%

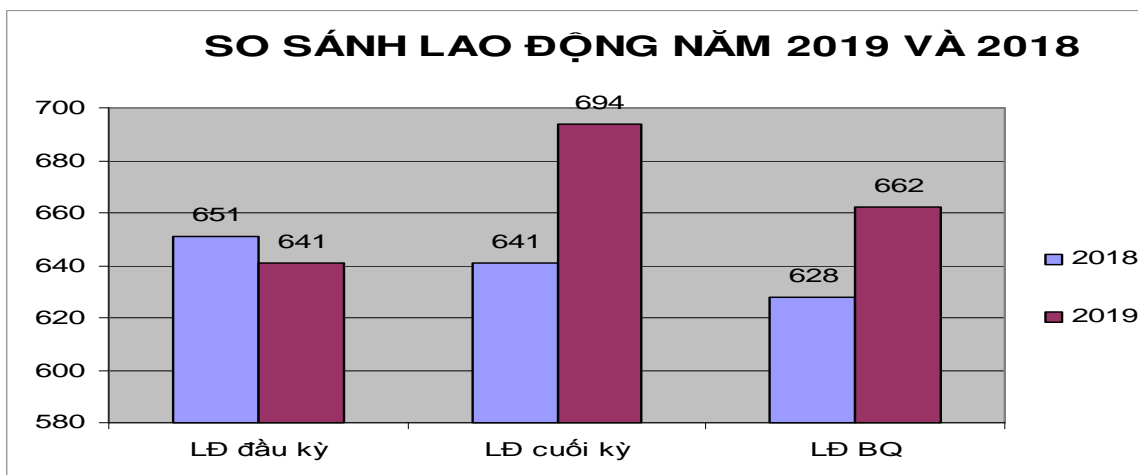
(tóm tắt lý lịch có trong phần quản trị công ty).

2) Những thay đổi trong ban điều hành:

- Bà Phạm Đỗ Diễm Hương từ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019.
- Ông Phạm Văn Mẹo bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 03 năm 2019.

3) Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 694 người: gồm 427 lao động nam, 267 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 580 lao động chiếm tỷ lệ 84% trên tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).
- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):



- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
- Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
- Định kỳ tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ và giao lưu với các doanh nghiệp khác trong cụm công nghiệp.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1) Các khoản đầu tư góp vốn.

Trong năm 2019, do nhu cầu cần vốn để bổ sung vốn lưu động, trang bị thêm máy móc thiết bị mới, thay đổi máy cũ không hiệu quả, Với tổng số tiền thu là **24.447.396.000** đồng, trong đó gồm:

- Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu : 10.000.000.000 đồng
- Thanh Lý Cổ phiếu EIB : 112.840 Cp với trị giá thu : 1.967.396.000 đồng
- Bán Cổ phiếu quỹ TPC : 1.248.000 cổ phiếu : 12.480.000.000 đồng

2) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2019 như sau

(Đvt: đồng)

Đơn vị đầu tư	Mã Cổ phiếu	Cuối năm 2019		Đầu năm 2019	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	3	198,949	3	198,979
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	EIB	7	148,448	112,847	2,393,128,046

3) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công Ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: không có.
- Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với Công ty nào khác.
- Công ty con:
 - ✓ Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “ Công Ty TNHH TĐH” GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ Lô C11 – C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.
- Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),
- Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).



Nhà Máy của công ty CP nhựa Tân Đại Hưng: Công ty TNHH TĐH

IV. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài chính

(Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh 2019/2018
Tổng giá trị tài sản	666,365,498,081	662,377,479,493	100.60%
Doanh thu thuần	781,060,893,734	713,685,054,261	109.44%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21,384,578,988	28,145,245,977	75.98%
lợi nhuận khác	4,590,795,355	9,777,427,724	46.95%
lợi nhuận trước thuế	25,975,374,343	37,922,673,701	68.50%
lợi nhuận sau thuế	21,080,874,983	30,143,231,298	69.94%

2) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu - chỉ số	2019	2018	Ghi chú
Tổng Tài Sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)	71.50%	70.56%	Tăng
Tài sản dài hạn/Tổng Tài Sản (%)	28.50%	29.44%	Giảm
Nợ phải trả			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	49.61%	50.52%	Giảm
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	50.39%	49.48%	Tăng
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	98.46%	102.11%	Giảm
Tỷ Số Lợi nhuận			
Tỷ Số Lợi nhuận/ST/Doanh thu thuần (LN biên)	2.70%	4.22%	Giảm
Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	3.16%	4.55%	Giảm
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	6.28%	9.20%	Giảm
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	8.63%	12.34%	Giảm
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	0.79	0.79	không đổi
Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành	1.44	1.40	Tăng
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn kho)	3.41	3.76	Giảm
Doanh thu thuần trên tổng tài sản	117.21%	107.75%	Tăng

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1) Cổ phần:

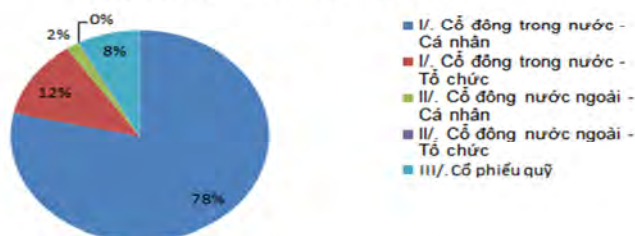
Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng	Số Cổ phiếu
Tổng số cổ phần phát hành	24.430.596
Số cổ phần đang lưu hành (chuyển nhượng tự do)	22.516.956
Số Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ	1.913.640
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	00
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	00

2) Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách do TTLKCK TPHCM chuyển đến công ty ngày 20/03/2020)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu	TS quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
I. Cổ đông trong nước	609	22,105,544	85,37%	22,105,544	98,06%
1. Cá nhân	590	19,182,526	78.52%	19,182,526	85.19%
2. Tổ chức	19	2,923,018	11.96%	2,923,018	12.98%
II. Cổ đông nước ngoài	20	411,412	1,68%	411,412	1,94%
1. Cá nhân	15	391,242	1,60%	391,242	1,84%
2. Tổ chức	4	20,170	0,08%	20,170	0,09%
III. Cổ phiếu quỹ		1,913,640	7.83%	-	0%
TỔNG CỘNG	629	24,430,596	100,00%	22,516,956	100,00%

Cơ cấu cổ đông ngày theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2020



3) Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	3.382.590	13,85%
2	Phạm Trung Cang	Việt Nam	3.223.220	13,19%
3	Trương Thị Lệ	Việt Nam	1.237.740	5,11%

4) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn” và “cổ đông nội bộ”:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tôn Thị Hồng Minh	Phó CT. HĐQT	304,000	1,43%	704,000	2,88%	Mua thêm 400.000 Cổ phiếu TPC
2	Phạm Văn Mẹo	TV.HĐQT- kiêm TGD	35,000	0,14%	55,000	0,23%	Mua thêm 20.000 Cổ phiếu TPC
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	TV.HĐQT- GĐTC	127,160	0,52%	177,160	0,73%	Mua thêm 50.000 Cổ phiếu TPC
4	Đoàn Thị Hồng Tươi	TV. HĐQT	-	0	30,000	0,12%	Đầu tư mua 30.000 Cổ phiếu TPC

5) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Vốn Chủ Sở hữu	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	244,305,960,000	86,242,518,451	-40,632,476,860	289,916,001,591
Số dư cuối năm trước	244,305,960,000	86,242,518,451	-40,632,476,860	289,916,001,591
Số dư đầu năm nay	244,305,960,000	86,242,518,451	-40,632,476,860	289,916,001,591
Tái phát hành cổ phiếu quỹ		-3,559,296,000	16,039,296,000	12,480,000,000
Số dư cuối năm nay	244,305,960,000	82,683,222,451	-24,593,180,860	302,396,001,591

6) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

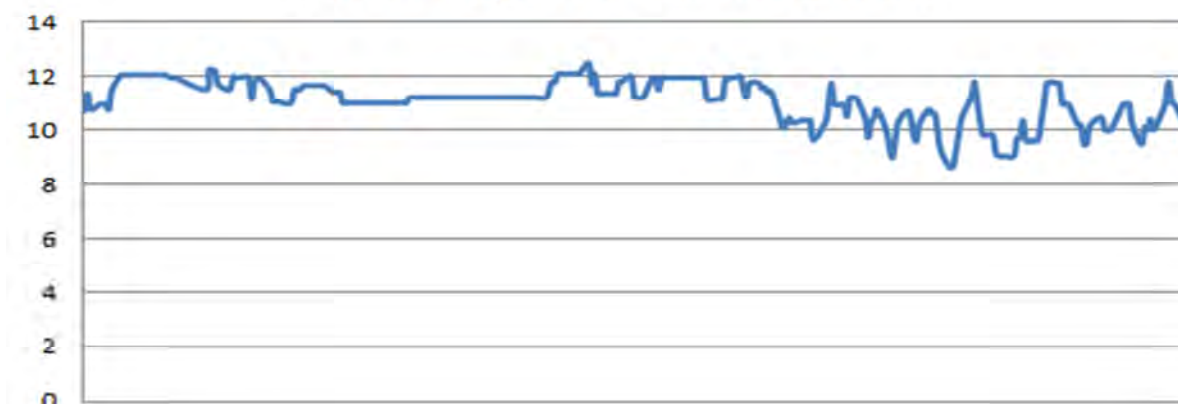
Trong năm 2019, Công ty đã tái phát hành giao dịch cổ phiếu quỹ như sau:

Cổ phiếu Công Ty (TPC)	Số Cổ phiếu quỹ
Số cổ phần đầu năm 2019	3,161,640
Số cổ phần đã bán trong năm 2019	1,248,000
Số Cổ phần còn nắm giữ đến 31/12/2019	1,913,640

7) Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2019.

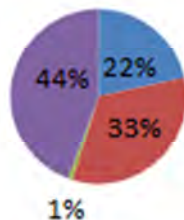
Theo ảnh hưởng chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam, tổng khối lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch của cổ phiếu TPC năm 2019 đều giảm mạnh; bình quân giá giao dịch cả năm giảm 13% so với năm 2018, giá đóng cửa phiên cuối năm là 9.520 đồng giảm 1.180 đồng/cp (giảm 11%) so với phiên mở cửa đầu năm. Giá trị vốn hóa của công ty theo cổ phiếu trên TTCK giảm tương ứng 28.828.103.280 đồng.

Biểu đồ thị giá TPC năm 2019 (HOSE)



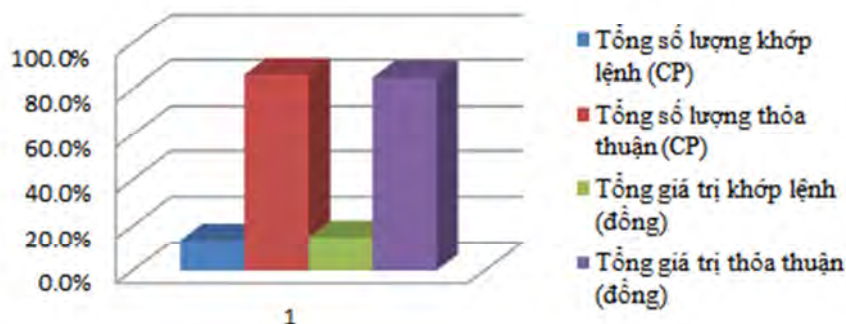
Cơ cấu giá trị giao dịch TPC 2019

- Số phiên tăng giá
- Số phiên giảm giá
- Số phiên giữ giá
- Số phiên không giao dịch



THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2019		
Hạng mục	Số lượng	Tỷ lệ
TS phiên tăng giá	54	21.6%
TS phiên giảm giá	83	33.2%
TS phiên giữ giá	2	0.8%
TS phiên không GD	111	44.4%
Tổng KLGĐ khớp lệnh (cp)	205,800	13.8%
Tổng GTGD khớp lệnh (đồng)	2,308,000,000	15.1%
Bình quân GTGDK.L/CP (đồng)	11,215	
Tổng KLGĐ thỏa thuận (cp)	1,288,000	86.2%
Tổng GTGD thỏa thuận (đồng)	12,980,000,000	84.9%
Bình quân GTGDTT/CP (đồng)	10,078	
Thị giá mở cửa đầu kỳ	10.70	
Thị giá đóng cửa cuối kỳ	9.52	
So sánh thị giá	(1.18)	-11.0%
Thay đổi giá trị vốn hóa tương ứng (đồng)	(28,828,103,280)	

Cơ cấu phương thức giao dịch TPC 2019



Hạng mục	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2018
TS phiên tăng giá	34.10%	21.60%	-37 %
TS phiên giảm giá	31.30%	33.20%	6 %
TS phiên giữ giá	14.20%	0.80%	-94 %
TS phiên không GD	20.30%	44.40%	119 %
Tổng KL giao dịch	2,141,460	1,493,800	-30 %
Tổng GT giao dịch	25,267,925,110	15,288,000,000	-39 %
Bình quân GTGD	11,799	10,234	-13 %

8) Các chứng khoán khác:

- Trong năm 2019 công ty đã bán 152.840 CP EIB giá bình quân: 17.435 đồng/cp; ghi nhận doanh thu tài chính 402.044.098 đồng.
- Tháng 12 năm 2019 công ty đã tái phát hành cổ phiếu quỹ, bán 1.248.000 CP quỹ với giá bình quân: 10.000 đồng/cp; qua đó bổ sung nguồn vốn kinh doanh thêm: 12.480.000.000 đồng.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

1) *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

2) *Tổng nguyên liệu được sử dụng năm 2019: 12.411.407 kg.*

Sản lượng trên cao hơn năm 2018 (là 20.2%) do Công ty đầu tư thiết bị máy móc trong năm 2019.

3) *Tỷ lệ nguyên liệu tái chế được sử dụng sản xuất năm 2019: 18.86%*

Tỷ lệ trên cao hơn năm 2018 (là 1.058%) Do năm 2019, công ty đã tìm được nguồn cung cấp PP2 ổn định hơn năm 2018.

4) *Tiêu thụ năng lượng:*

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

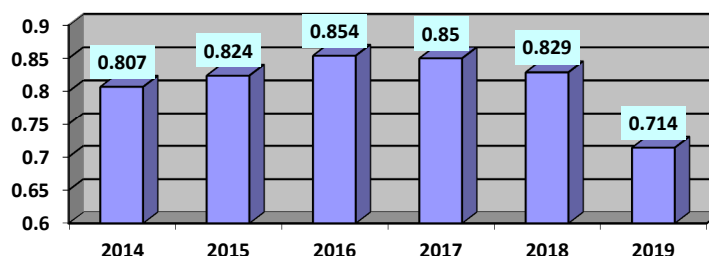
- Lượng điện tiêu thụ trực tiếp cho sản xuất năm 2019: 14,942,800 Kw .
- Năm 2018: 11,266,834Kw
- *Lượng điện tiêu thụ năm 2019 tăng so với 2018 là 26.6%, nguyên nhân do trong năm 2019 Công ty đã đầu tư thêm máy móc thiết bị.*

b) *Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (xem thêm chi tiết phần bên dưới):*

Tuy chưa sử dụng năng lượng tái tạo, nhưng công ty hết sức chú trọng việc tiết kiệm điện để giảm giá thành sản xuất thông qua các biện pháp sau đây:

- Quản lý tốt các thông số kỹ thuật : Tải , công suất tiêu thụ của thiết bị, hệ số Cos ψ , Độ lệch pha.
- Quản lý về an toàn trong quá trình sử dụng.
- Thực hiện tốt và duy trì các giải pháp tiết kiệm trách lãng phí.
- Thực hiện các giải pháp , tuân thủ qui trình PCCC.

Mức tiêu hao điện năng KW/Kg SP



5) Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Trụ sở văn phòng sử dụng nguồn nước của TPHCM, nhà máy sử dụng nguồn nước của khu công nghiệp.
- Mức sử dụng năm 2019: 63,644 m³/ Năm

6) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

7) Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số lao động của công ty là 694 người: gồm 427 lao động nam, 267 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 580 lao động chiếm tỷ lệ 84% trên tổng số lao động.
- Tổng số lao động năm 2019 giảm 8.3% so với năm 2018, chủ yếu là công nhân trực tiếp sản xuất, tổng sản lượng so sánh tăng 12.0%, như vậy năng suất lao động tăng hơn 2% so với 2018 (do đầu tư máy móc thiết bị mới & cải tiến máy móc thiết bị).
- Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN: công ty trích đóng thay các khoản bảo hiểm bảo hiểm này cho toàn bộ cho người lao động (đây là chính sách đặc biệt so với các doanh nghiệp khác).
 - Các chế độ thưởng: lương tháng 13 (mức bình quân thu nhập tháng trong năm), thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC (từ 1 đến 2 tháng thu nhập).
 - Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:
 - Có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
 - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca.
 - Tổ chức tham quan nghỉ mát và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
 - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m² trong khuôn viên công ty (bố trí 08 nhân viên nấu ăn & phục vụ, cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương).
 - Khu lưu trú với 50 phòng (gồm 40 phòng diện tích 60 m² /phòng và 20 phòng diện tích 32 m² /phòng) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 297 người và một số người thân (42.7% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở xa).
 - Phối hợp với công đoàn tổ chức các phong trào văn thể mỹ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (hội thi bóng đá, karaoke, v.v...) chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.
 - Thực hiện các chế độ trong năm:

STT	Chế độ	Số trường hợp	Số tiền (VNĐ)
1	Tham quan nghỉ mát	533	320,700,000.0
2	Mừng Quốc tế phụ nữ 8/3	252	63,000,000.0
3	Mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	247	60,800,000.0
4	Mừng ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6	370	55,500,000.0
5	Ma chay	17	8,500,000.0
6	Cưới hỏi	15	7,500,000.0
7	Thai sản	9	2,700,000.0
8	Khác	5	23,000,000.0
Tổng cộng		1,448	541,700,000



Hình ảnh hoạt động đội bóng đá phong trào của công ty

b) Hoạt động đào tạo người lao động

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:*
 - Đào tạo công nhân mới: 218 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 436 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 10.464 giờ.
 - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: 60 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 120 giờ, đào tạo thực hành là 360 giờ.
 - Tái đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả CNSX: 24 giờ.
 - Tái đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 24 giờ.
- *Đào tạo khác:*
 - Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (*theo hệ thống MSDS*), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng (*đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ*) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

8) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (*kể cả tại khu lưu trữ*); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (*với mức độ khác nhau*): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của các địa phương (*trụ sở và nhà máy*) ủng hộ xây dựng nhà tình thương để ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo; Trao học bổng và vật phẩm học tập cho Các Em học sinh nghèo vượt khó tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long với tổng kinh phí 1.237 triệu đồng, tham gia chương trình mổ tim cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh gia đình khó khăn : 224 triệu đồng, và các hoạt động từ thiện khác 97.615 ngàn đồng.
- HĐQT Công ty thành lập quỹ THIÊN TÂM: trao 51 suất học bổng năm 2019 cho học sinh nghèo hiếu học cho CB-CNV Công ty có con là học sinh khá /giỏi 02 năm liền, với tổng số tiền là: 86,500,000 đồng.

- Công ty đã tài trợ toàn bộ công trình chống sạt lở bờ sông Cần Lố, tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở sử dụng vật liệu do công ty sản xuất với số tiền tương đương 2,2 tỷ đồng.



Hình ảnh hoạt động của công ty trao học bổng cho học sinh nghèo các tỉnh



Hình ảnh công trình chống sạt lở bờ sông Cần Lố, tỉnh Đồng Tháp do công ty Tân Đại Hưng tài trợ

Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019

1) Phân tích tổng quan.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện	% So với	% So với TH
		2019	2019	2018	Kế hoạch	Năm trước
1	Sản lượng bao bì (tấn)	14,813	16,591	14,975	112.00%	110.79%
2	Doanh thu: (triệu đồng)	627,284	761,177	680,759	121.34%	111.81%
3	Lợi nhuận: (triệu đồng)	25,000	21,080	30,143	84.32%	69.93%

b) Kết quả hoạt động năm 2019 (bảng 2):

(Đvt: đồng)

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Năm Nay	Năm trước	Tỷ lệ +/-	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	781,060,893,734	713,685,054,261	109.44%	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	781,060,893,734	713,685,054,261	109.44%	
4	Giá vốn hàng bán	710,317,006,650	645,762,638,681	110.00%	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70,743,887,084	67,922,415,580	104.15%	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8,189,011,519	14,191,292,433	57.70%	
7	Chi phí tài chính	10,282,417,151	14,339,244,527	71.71%	
	Trong đó: chi phí lãi vay	8,334,596,928	7,328,364,460	113.73%	
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				
9	Chi phí bán hàng	23,464,719,928	16,692,963,160	140.57%	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,801,182,536	22,936,254,349	103.77%	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21,384,578,988	28,145,245,977	75.98%	
12	Thu nhập khác	4,655,236,551	9,804,084,239	47.48%	
13	Chi phí khác	64,441,196	26,656,515	241.75%	
14	Lợi nhuận khác	4,590,795,355	9,777,427,724	46.95%	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,975,374,343	37,922,673,701	68.50%	
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,894,499,360	7,779,442,403	62.92%	
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21,080,874,983	30,143,231,298	69.94%	
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21,080,874,983	30,143,231,298	69.94%	
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		989	1,417	69.80%
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		989	1,417	69.80%

Thuyết minh: (bảng 02)

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2019, lợi nhuận đạt 21.080.874.983 đồng chỉ đạt 84,32% so với kế hoạch là 25 tỷ đồng.

Tuy nhiên sản lượng và doanh thu bán hàng đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra như sau:

- Sản lượng bán hàng: đạt 16.591 tấn, tăng 1.778 tấn so với kế hoạch là 14.813 tấn (tương ứng tăng 12%)
- Doanh thu bán hàng đơn vị đạt 781.060 triệu, trong đó doanh thu bao bì chiếm 97,45% tương ứng 761.177 triệu đồng, tăng 133.893 triệu đồng so với kế hoạch 627.284 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 21,34%, trong khi đó: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 75,98% so với năm trước, bởi do thị trường xuất khẩu sụt giảm, Công ty phải thay đổi cơ cấu sản phẩm bán hàng, có những sản phẩm mang về lợi nhuận thấp và hòa vốn nhưng vẫn thực hiện, để có đồng ngoại tệ trả nợ tiền mua nguyên vật liệu sản xuất xuất khẩu, duy trì sản xuất, người lao động có việc làm ổn định thường xuyên.

- Chỉ tiêu lợi nhuận 21.080 triệu đồng, đạt 84,32% so với kế hoạch: ngoài yếu tố do thay đổi cơ cấu sản phẩm bán hàng còn có các chỉ tiêu như sau:
 - Chi phí tài chính trong năm cũng ảnh hưởng đáng kể, bởi lãi suất vay của ngân hàng tăng từ 2,8% tăng 3,3%, hàng tồn kho nhiều cũng làm cho chi phí vốn vay tăng.
 - Chi phí bán hàng năm 2019 so với năm 2018 tăng 40,57% , do trong năm Công ty đã có những hoạt động xã hội giáo dục y tế : 1.467 triệu đồng, nhà tình nghĩa: 1.666 triệu đồng, các công trình nhà nước chống sạt lở :333 triệu đồng, cũng là nguyên nhân làm cho chỉ tiêu lợi nhuận không đạt

2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm 2019.

- Về Marketing: Bộ phận kinh doanh ngoài phương thức tiếp cận khách hàng vốn có, đã và đang tiếp cận với một số khách hàng mới về vải địa kỹ thuật, bao Jumbo chống lũ.
- Về chính sách lao động: Cải tiến về chính sách tuyển dụng & Chính sách tiền lương, thu hút lao động
- Về Máy móc thiết bị: cùng với đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

STT	Nội dung- hạng mục	Phụ trách thực hiện	Hiệu quả mang lại
1	Tăng tốc độ , tăng sản lượng máy kéo sợi.	PCĐ và PX kéo sợi	Tăng thêm 15 % sản lượng cho máy tạo sợi lưới tròn
2	Đề xuất đầu tư thay thế giàn tháo thường qua giàn tháo biến tần máy kéo sợi	PCĐ và PX KS	Tiết kiệm điện , Chất lượng chỉ quản ống tốt hơn, đẹp hơn
3	Tăng tốc độ , Thay đổi chương trình điều khiển máy tráng	PCĐ và PX Tráng	Hoạt động chất lượng tráng tốt hơn
4	Lắp hệ thống báo lỗi dẹt cho đơn hàng xuất khẩu bao PP	PCĐ , PX	Hoàn thành trên 7 máy, cảnh báo được hầu hết các lỗi làm dầu để CN tiện lựa ra
5	Lắp đặt 18 dàn cuốn 02 tần trên máy dẹt để hoạt động được dẹt bao shopping khổ lớn	PCĐ	Tăng năng xuất dẹt bao shopping
6	Gắn hệ thống khử tĩnh điện khâu in	PCĐ	Hạn chất hòa hoãn cháy nổ tại PX in
7	Lắp máy hoạt động Thay đổi qui trình cắt may lồng PE tự động	PCĐ & PX	Đã đưa vào hoạt động 01 máy

II. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài sản

- So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2019 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

TÀI SẢN	SỐ DƯ CUỐI NĂM 2019	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2019	So Sánh
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	476,425,612,950	467,385,665,294	9,039,947,656
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	44,892,001,815	41,430,643,779	3,461,358,036
II.Các khoản đầu tư ngắn hạn	84,000,000,000	51,000,000,000	33,000,000,000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	124,397,016,979	165,900,223,372	-41,503,206,393
IV.Hàng tồn kho	214,122,019,952	201,692,121,582	12,429,898,370
V.Tài sản ngắn hạn khác	9,014,574,204	7,362,676,561	1,651,897,643
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	189,939,885,131	194,991,814,199	-5,051,929,068
I.Các khoản phải thu dài hạn	1,141,858,148	22,930,435,024	(21,788,576,876)
II.Tài sản cố định	182,623,262,915	70,345,638,209	112,277,624,706
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2,000,347,397	11,585,699,299	-9,585,351,902
V.Tài sản dài hạn khác	4,174,416,671	90,130,041,667	-85,955,624,996
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	666,365,498,081	662,377,479,493	3,988,018,588
A.NỢ PHẢI TRẢ	330,591,735,878	334,641,845,071	-4,050,109,193
I.Nợ ngắn hạn	330,591,735,878	334,641,845,071	-4,050,109,193
II.Nợ dài hạn	-	-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	335,773,762,203	327,735,634,422	8,038,127,781
I.Vốn chủ sở hữu	335,773,762,203	327,735,634,422	8,038,127,781
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	666,365,498,081	662,377,479,493	3,988,018,588

*** Thuyết minh (bảng 3)**

- Tổng giá trị tài sản cuối năm 2019 so với năm 2018 tăng 3.988.triệu đồng, trong đó:
 - Tài sản ngắn hạn tăng 9.039 triệu đồng, chủ yếu giảm nợ phải thu 41 tỷ đồng,
 - và tài sản dài hạn giảm 5.051 triệu đồng, do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn, bán cổ phiếu quỹ,tăng tiền đầu tư ngắn hạn, tăng vốn lưu động như sau:
 - Thanh lý hợp đồng thuê dài hạn, mua lại nhà xưởng làm tài sản là BĐS: 106.600triệu đồng.
 - Tăng mua máy móc thiết bị gồm máy dệt, máy chỉ, dàn thâu, máy in: 17.094 triệu đồng.
 - Thoái vốn đầu tư, thanh lý cổ phiếu EIB tổng cộng thu về 11.967 triệu đồng.
- Tổng nguồn vốn nợ phải trả
Tổng nguồn vốn đến 31/12/2019 là 666 tỷ đồng so với năm 2018 là 662 tỷ đồng tăng 0,6%, trong đó:
 - Nợ phải trả người bán năm 2019 so với năm 2018 tăng không đáng kể, chủ yếu là giảm nợ vay ngân hàng từ 257 tỷ còn 237 tỷ.
 - Trong năm 2019 đã chi trả cổ tức là: 25.522.747.200đồng với tỷ lệ chi trả 1.200đồng/ cổ phiếu.
 - Bán 1.248.000 cổ phiếu quỹ, tổng giá trị thu về 12 tỷ 480 triệu, đồng thời đến 31/12/2019 cổ phiếu TPC lưu hành là:22.516.956 CP/ TPC chiếm 92,17% trên tổng số phát hành 24.430.596 cổ phiếu.
 - Cổ phiếu còn nắm giữ là: 1.913.940 cổ phiếu, tỷ lệ 7,83% trên tổng số phát hành.

2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2019 và năm 2018 (bảng 4)

<i>Chỉ tiêu - chỉ số</i>	<i>2019</i>	<i>2018</i>	<i>Ghi chú</i>
Tổng Tài Sản			
<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)</i>	71.50%	70.56%	Tăng
<i>Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)</i>	28.50%	29.44%	Giảm
Nợ phải trả			
<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)</i>	49.61%	50.52%	Giảm
<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)</i>	50.39%	49.48%	Tăng
<i>Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)</i>	98.46%	102.11%	Giảm
Tỷ Số Lợi nhuận			
<i>Tỷ Số Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần (LN biên)</i>	2.70%	4.22%	Giảm
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)</i>	3.16%	4.55%	Giảm
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)</i>	6.28%	9.20%	Giảm
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần</i>	8.63%	12.34%	Giảm
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
<i>Tỷ số khả năng thanh toán nhanh</i>	0.79	0.79	không đổi
<i>Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành</i>	1.44	1.40	Tăng
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
<i>Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn kho)</i>	3.41	3.76	Giảm
<i>Doanh thu thuần trên tổng tài sản</i>	117.21%	107.75%	Tăng

Tóm lược trong năm 2019, với tình hình hiện có của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng với tác động kinh tế thế giới Mỹ - Trung nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty. Mặc dù các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận không đạt như kế hoạch, nhưng các chỉ tiêu chỉ số Tài sản, Chỉ số Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn và Doanh thu trên tài sản đều tăng trưởng từ 9% đến 10% so với năm 2018.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2019.

1) Về cơ cấu tổ chức

- Tổ chức lại quy trình sản xuất lồng bao PE vào PP bằng tay sang tự động: giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất sản lượng. Tổ chức lại việc quản lý mực, dung môi & quy trình cấp phát (theo định mức): giảm chi phí trong sản xuất tại khâu in.
- Tiếp tục quy hoạch sắp xếp, bố trí lại mặt bằng kiểm hàng, Đóng kiện, LDPT: đảm bảo vệ sinh theo yêu cầu cao của khách hàng, hợp lý hóa vận chuyển và quá trình sản xuất, nhập kho.
- Sắp xếp quy hoạch lại mặt bằng PX4 & PX5 để bố trí thêm máy Kéo sợi & máy Dệt.

2) Về chính sách quản lý

- Rà soát cải tiến lại định mức đối với các công đoạn: LDPT, May PP, May lưới cho phù hợp với thực tế.
- Tiếp tục triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng.



*Hình ảnh
Lễ Tổng
kết và
Khen
thưởng
thành tích
năm 2019.*

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1) *Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2020*

- Những bất ổn liên quan đến chính sách thương mại, căng thẳng địa chính trị và vấn đề đặc thù tại những nền kinh tế mới nổi quan trọng đã tiếp tục tác động đến hoạt động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là sản xuất và thương mại.
- Mặc dù căng thẳng thương mại Mỹ-Trung đã hạ nhiệt, song kết quả vẫn còn phụ thuộc vào việc Washington và Bắc Kinh có thể tránh leo thang tình hình đến đâu.
- Tình trạng bất ổn xã hội đã đặt ra nhiều thách thức mới tại một số nước, những thảm họa tự nhiên như bão tại Caribe, hạn hán và cháy rừng tại Australia, lũ lụt tại Đông Phi, hạn hán tại miền Nam châu Phi.
- Đặc biệt là tình trạng dịch bệnh Covid-19 lây lan nhanh chóng đến hàng loạt các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu.
- Việt Nam chịu tác động lớn từ dịch bệnh Covid-19 khi nguồn nguyên liệu của rất nhiều ngành nghề phụ thuộc vào Trung quốc cũng như các lĩnh vực xuất khẩu Nông- Thủy sản phần lớn cung cấp cho thị trường Trung quốc.

2) *Định hướng chung 2020:*

- Đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020, gồm : tổng sản lượng bao bì 15.029 tấn, tổng doanh thu bao bì 625,347 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 20 tỷ đồng.
- Linh hoạt trong tiếp thị và cơ cấu sản phẩm, chào giá cạnh tranh, tìm kiếm khách hàng để nhận đủ đơn hàng theo chỉ tiêu kế hoạch, ưu tiên cho xuất khẩu & lựa chọn đơn hàng hiệu quả.
- Xác định và tập trung phát triển các giá trị cốt lõi của Tân Đại Hưng như các sản phẩm chủ lực, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết để củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, duy trì bảo dưỡng tốt máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ không hiệu quả nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến quy trình kiểm soát đơn hàng, cải tiến nâng cấp hệ thống quản lý dữ liệu thống kê sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát công nợ bán hàng, điều phối hiệu quả dòng tiền không để phát sinh nợ xấu.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự & đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế thừa.

3) *Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:*

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu vải địa kỹ thuật và aquadams vào Mỹ và Canada. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*). Ưu tiên máy sản xuất cho những khách hàng lớn để đáp ứng nhanh những đơn hàng gấp, đột xuất.
- Tìm thêm đơn vị gia công vải dệt, để đáp ứng được nhu cầu tăng đột biến của khách hàng khi vào mùa vụ hoặc những tháng cuối năm.
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- Tổ chức cung ứng và gia công đảm bảo tiến độ cung cấp nguyên phụ liệu, gia công đúng kế hoạch.

4) *Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:*

□ Công nghệ:

- Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.

- Cải tiến công thức phối trộn của từng đơn hàng sao cho hiệu quả tùy theo nguồn PP2.
- Tiếp tục cải tiến thông số kỹ thuật sản phẩm làm tăng sản lượng sản xuất.
- Kết hợp kỹ thuật cơ điện cải tiến khổ dệt trên máy dệt 720 cọc đầu cây, tăng lớn khổ chia đôi hai mảnh cho đơn hàng shopping.
- **Quản lý chất lượng:**
 - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
 - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
 - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
 - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
 - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
 - Tăng năng suất, sản lượng máy sợi mà vẫn hoạt động ổn định.
 - Bảo trì, sửa chữa tốt các máy dệt.
 - Tiếp tục cải tiến năng suất máy cắt nhiều line trên các đơn hàng shopping.
 - Cải tiến máy dệt, dệt được khổ lớn và bổ sung dần quần cuộn thứ hai.
 - Theo dõi và kết hợp kỹ thuật nhà cung cấp hoàn tất các “melt pump” trên các máy kéo sợi.
 - Duy trì hiệu chuẩn các thiết bị đo định kỳ.

5) Về sản xuất và gia công:

- Đảm bảo việc tuân thủ Quy trình sản xuất đã ban hành tại các PX và công đoạn.
- Tuân thủ Hợp triển khai kế hoạch tháng từ ngày 06 – 09 hằng tháng, giao ban sản xuất hằng ngày hội ý nhanh các ý kiến các trưởng bộ phận, quản lý SX để thống nhất các mục tiêu công việc hằng ngày cho thật thuận lợi và nhanh chóng
- Đảm bảo nhân viên kế hoạch điều độ, các bộ phận SX tuân thủ việc báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng lịch theo qui định cho BGD & các Trưởng, các QLPX.
- Đảm bảo giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Đảm bảo thực hiện 5S trong tất cả bộ phận sản xuất.
- Tổ chức thực hiện hiệu quả 07 trọng tâm của BPSX : Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (1) Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (2) Giảm lỗi và chống sót lỗi. (3) Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật. (4) Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy. (5) Tiết kiệm điện và nhiên liệu. (6) Giảm phế liệu phế phẩm. (7) Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- Thực hiện đạt vượt các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất gia công năm 2019.

6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- **Tiếp tục phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất:** thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy hợp lý .v.v.... nhằm tăng năng suất lao động.
- **Xây dựng Cơ cấu tổ chức & Chính sách:** Phối hợp Bộ phận SX & Kỹ thuật cơ điện tổ chức lại việc nhập liệu tại sản xuất (đầu tư hệ thống phần mềm & chủ động cân nhập liệu bằng điện tử tại các công đoạn sản xuất). Cải tiến tiến hệ thống định mức tại May Shopping. Tham gia cùng Bộ phận Kỹ thuật & sản xuất cải tiến quy trình sản xuất bao Shopping để giảm giá thành sản xuất. Cấu trúc lại Bộ phận Kỹ thuật theo yêu cầu nhiệm vụ mục tiêu Công ty năm 2020.
- **Tuyển dụng:** Tiếp tục tuyển bổ sung cán bộ quản lý nguồn kế thừa (Kinh doanh, Công nghệ), Bổ sung công nhân may cho kế hoạch năm 2020. Tiếp tục cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- **Đào tạo:** Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý sản xuất (cấp TTSX, Quản lý Phân xưởng, quản lý kho).
- **An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp:** Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp

xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (*Tổ trưởng, QLPX*) trong công tác đảm bảo ATLĐ-VSCN..

- *Quản lý hành chính & An ninh trật tự:* Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất an ninh trật tự tại công ty. Nâng cấp máy quét thẻ theo dõi ra vào công, nâng cấp đội bảo vệ, triển khai giám sát trên camera. Xây dựng các tiêu chuẩn về trang phục bảo hộ lao động, tăng cường giám sát & xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy định Công ty.

7) Về tài chính kế toán:

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào, quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí
- Tiếp tục duy trì việc quản lý doanh thu, chi phí, kiểm soát chặt hệ thống Kho và các khoản tồn kho lâu nhằm tránh thất thoát và giảm tồn Kho lâu.

V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2019 (*trong chứng thư bên dưới*).

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

1) Về môi trường:



Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước để giảm chi phí hoạt động.
- Gia tăng sử dụng vật liệu tái sinh.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định, được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan

2) Về người lao động



Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.

Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng dần thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2019.

3) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:



Ban giám đốc đã xây dựng và duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (*trụ sở văn phòng và nhà máy*), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về tình hình ANTT, an toàn giao thông, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



Đánh giá tổng thể:

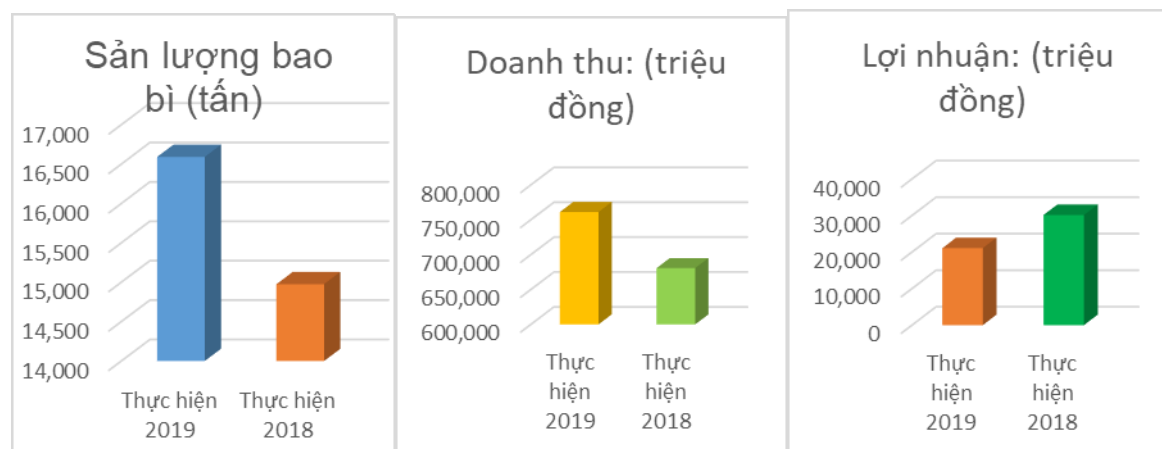
- *Quản trị và điều hành công ty luôn bám sát thực thi định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, các bộ phận chức năng đã phát huy tốt vai trò nhiệm vụ.*
- *Trong bối cảnh phức tạp của các địa bàn hoạt động và phải đương đầu với cạnh tranh khốc liệt, tổ chức của công ty vẫn ổn định, hoạt động và quan hệ đúng theo điều lệ quy chế, trong khuôn khổ pháp định.*

- *Phát huy cao tính năng động linh hoạt trong tiếp thị và thay đổi cơ cấu sản phẩm khi khách hàng và thị trường thay đổi.*

Những yếu tố nêu trên có ý nghĩa quyết định làm cho công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đạt kết quả tốt các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu năm 2019; tài sản và nguồn vốn tăng, tài chính lành mạnh; củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty.

Kết quả Các Chỉ tiêu đã đạt trong năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	So sánh 2019/2018
1	Sản lượng bao bì (tấn)	16,591	14,975	110.79%
2	Doanh thu: (triệu đồng)	761,177	680,758	111.81%
3	Lợi nhuận: (triệu đồng)	21,080	30,143	69.93%



1) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào.

- Phòng kinh doanh đã phối hợp với các bộ phận khác trong công ty vượt qua được tất cả các cuộc đánh giá tiêu chuẩn nhà sản xuất do khách hàng thực hiện. Điều này góp phần giúp Tân Đại Hưng nhận được các đơn hàng bao shopping số lượng lớn của các tập đoàn siêu thị.
- Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đẩy mạnh tăng thị phần ở khách hàng cũ. Bắt đầu cung cấp lại sản phẩm bao bì Jumbo (*dùng chống sạt lở*).
- Khai thác thị trường, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đơn hàng và cơ cấu sản phẩm để giữ vững thị phần, sản lượng đạt 112%, giúp ổn định sản xuất và gia công; linh hoạt đàm phán về giá, ưu tiên nhận đơn hàng có lợi nhuận cao và số lượng lớn, doanh thu đạt 121% chỉ tiêu.
- Hoạt động thông tin 2 chiều với khách hàng tiếp tục được tăng cường, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới và tiềm năng, ưu tiên thị trường xuất khẩu, tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt và tiềm năng.
- Cung ứng nguyên liệu vật tư dụng cụ phụ tùng kỹ thuật, gia công vật tư đầu vào đáp ứng yêu cầu kịp thời, chất lượng và chi phí hợp lý.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thống nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.
- ***Đánh giá chung:*** CBNV phòng kinh doanh cung ứng thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2019, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

2) Hoạt động đảm bảo chất lượng.

- Đảm bảo chức năng chuyên trách trong việc hướng dẫn vận hành hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; phối hợp tốt giữa nội bộ và bên ngoài nhằm kiểm tra, giám sát hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.
- Tuân thủ những định hướng và chủ trương của Ban Giám đốc, đeo bám thực hiện các mục tiêu, chương trình, kế hoạch; linh hoạt thực hiện những biện pháp trong điều hành và các nhiệm vụ trọng tâm, kiên quyết, triển khai thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng nhận thức chất lượng cho CBCN cũng như các đơn vị gia công.
- Phát huy hiệu quả việc cảnh báo chất lượng cho các bộ phận trước khi sản xuất, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa sự cố chất lượng của cán bộ công nhân, góp phần đảm bảo chất lượng, giảm lãng phí, phế phẩm.
- Quản lý hiệu quả nguồn lực, phân công, điều động hợp lý.
- Tham mưu các biện pháp khắc phục phòng ngừa và xử lý kịp thời các sự cố chất lượng, tăng cường các hoạt động cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Duy trì hiệu quả của phương pháp lấy mẫu kiểm tra theo tiêu chuẩn MIL-STD-105 (*Military Standard*), giảm thời gian và số lượng mẫu kiểm tra nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.
- Tồn tại: Ý thức chất lượng của một bộ phận quản lý và công nhân chưa đạt, phát sinh những sự cố không đáng có. Một số CBCN (*nội bộ và gia công*) còn thiếu chủ động, kiên quyết trong việc cải tiến, khắc phục, phòng ngừa triệt để và hiệu quả. Một số sự cố chất lượng xảy ra tuy không lớn nhưng QA không dự đoán trước, giám sát, kiểm tra còn lỏng lẻo chủ quan nên không phát hiện và khắc phục kịp thời để chủ động tham mưu, đề xuất xử lý.

Đánh giá chung: đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2019, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, phòng tránh khiếu nại của khách hàng.

3) Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện.

Công nghệ:

- Thay đổi và giảm chi phí các đơn hàng NPK và CPV.
- Linh hoạt sử dụng nguồn nguyên liệu tái sinh PP2 có chất lượng khác nhau vào các đơn hàng đang sản xuất, giảm giá thành công thức phối trộn.
- Đầu tư dây chuyền lồng bao PE tự động trên máy cắt may theo công nghệ mới, đáp ứng được sản lượng 700.000 bao/ tháng.

Cơ điện:

- Tuân thủ thực hiện đúng kế hoạch BTSC ban hành , Giám sát đánh giá kết quả BTSC của các phân xưởng.
- Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
- Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB.
- Chất lượng sau sửa chữa đạt thông số vận hành ban đầu.
- Cung ứng kịp thời nhu cầu sửa dụng vật tư sử dụng BTSC , Đảm bảo không để MMTB ngưng máy chờ đợi VTKT do không có chuẩn bị trước (Ngoại trừ một số VTKT không có trong danh mục tồn kho tối thiểu)
- Quản lý kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng : Điện – Nước hiệu quả
- Quản lý tốt các thông số kỹ thuật : Tải , công suất tiêu thụ của thiết bị, hệ số $\cos\varphi$, Độ lệch pha.
- Quản lý về an toàn trong quá trình sử dụng.
- Thực hiện tốt và duy trì các giải pháp tiết kiệm tránh lãng phí.
- Thực hiện các giải pháp , tuân thủ qui trình PCCC.

Đánh giá chung : đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành rất tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2019, nhất là trong hoạt động kiểm soát phối trộn nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất.

4) .Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất.

- Hoạt động kế hoạch điều độ sản xuất đã duy trì được sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, hoạch định tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Làm tốt công tác thông kê sản xuất và cung cấp thông tin cần thiết đến các phân xưởng và cho các bộ phận có nhu cầu. Kiểm tra giám sát kịp thời, phát hiện điều chỉnh nhanh những sai sót về qui trình, sản lượng, chất lượng sản phẩm.
- Năm 2018, trong điều kiện cơ cấu sản phẩm thay đổi, đơn hàng có lúc không đồng bộ, thay thế và lắp đặt thêm nhiều MMTB mới, có những giai đoạn thiếu công nhân phải làm cao đêm, có lúc nghỉ chờ việc do thiếu đơn hàng cục bộ, mặc dù gặp những khó khăn nhưng hoạt động quản trị sản xuất và gia công may đã đạt những kết quả:
 - Năng suất các công đoạn trong qui trình của nhà máy đều đạt cao hơn định mức.
 - Sản lượng tăng 112% so với chỉ tiêu, năng suất bình quân đạt 106% so với định mức.
 - Không có trường hợp trễ thời hạn giao hàng.
 - Chất lượng: tỷ lệ phản nản khiếu nại sau khi giao hàng giảm so với năm 2019.
 - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm chế, đạt 5,8% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

Đánh giá chung: hoạt động sản xuất gia công, CBNV kế hoạch điều độ và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2019, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2019.

5) Hoạt động hành chính và nhân lực.

Về lĩnh vực Nguồn nhân lực:

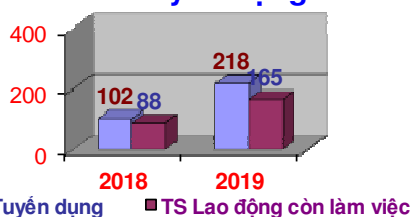
- Nhìn chung, công tác tuyển dụng đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân sự cho sản xuất, tỷ lệ nghỉ việc mới đã giảm nhiều so với các năm trước, tuy nhiên cần cải tiến sàng lọc trong quá trình tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, giảm lãng phí do bỏ việc trong thời gian đào tạo.
- Do tình hình đơn hàng năm 2019 có nhiều biến động, có những tháng phải bố trí cho công nhân nghỉ chờ việc, những tháng cuối năm đơn hàng lại tăng đột biến, phải tăng ca liên tục vì không thể tuyển dụng kịp thời cho những công đoạn nhiều lao động (*May, LDPT*). Tuyển dụng bổ sung một số vị trí nghiệp vụ kế thừa ở các Bộ phận: Kinh doanh, Công nghệ, Kế hoạch sản xuất.
- Thực hiện các chương trình đào tạo cho công nhân mới, ATLĐ, PCCC, nâng cao tay nghề cho CNSX, chính sách chất lượng được triển khai đầy đủ và nghiêm túc đúng theo nội quy lao động và các qui chế, nhưng một số chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ kho, quản lý cấp trung gian chưa đào tạo trong năm.
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
- Cập nhật định mức kịp thời theo các dự án cải tiến MMTB & quy trình sản xuất, cải tiến chính sách tiền lương một số khâu may, LDPT, ... khuyến khích công nhân vận hành máy tăng năng suất lao động, lập tính lương chính xác và kịp thời.
- Nhà ăn cung cấp 194,803 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí suất ăn, tuân thủ các quy định quy trình về ATVSTP, về giá cả tất cả giá lương thực phẩm đều tăng so với năm 2018, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng bữa ăn không giảm & chi phí tăng vừa phải (16,942 đồng /suất so với 15,400 đồng /suất năm 2018)
- Tình trạng công nhân vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2019 giảm so với năm 2018. Không có trường hợp sa thải.

Về lĩnh vực hành chính:

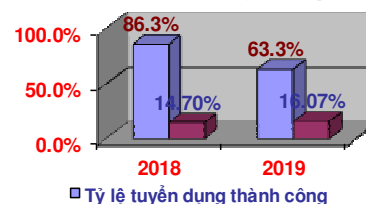
- Duy trì việc giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật, vận hành hệ thống camera giám sát ANTT, ghi hình các trường hợp vi phạm làm bằng chứng xử lý các vi phạm nội quy qui chế làm việc. Việc kiểm ANTT của Bảo vệ đã được cải thiện nên không xảy ra tình trạng mất trộm nào trong năm 2019. Công tác PCCC thực hiện chưa được tốt vẫn còn bị nhắc nhở khâu kiểm tra duy tu bảo trì hệ thống đường ống & bình chữa cháy.
- Số ngày công vắng nghỉ trong năm 2019 tăng so với năm 2018, đặc biệt là tỷ lệ vắng K là 96 công so với năm 2018 là 42 công.
- Công tác vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện, Ban 5S thường xuyên kiểm tra hàng tuần & có đánh giá thưởng phạt hàng tháng.
- Tiết kiệm sử dụng vật tư văn phòng phẩm, làm tốt việc điều phối sử dụng xe, kiểm soát lộ trình và định mức xăng dầu phòng tránh lạm dụng, lãng phí.
- Bảo mật những thông tin sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro từ hệ thống mạng internet và các quan hệ giao dịch.
- Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại.

Đánh giá chung: Bộ phận HCNS đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2018, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, hoạt động tuyển dụng đào tạo bổ sung công nhân đạt kết quả cao hơn hẳn năm 2019.

Biểu đồ tuyển dụng



Biểu đồ nghỉ việc



6) Hoạt động tài chính và kế toán.

- *Quản lý nghiệp vụ kế toán:*
 - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán không xảy ra tình trạng nợ xấu.
 - Quản lý và thường xuyên phân tích nguyên nhân tăng giảm các loại doanh thu, chi phí và có biện pháp xử lý kịp thời.
 - Các báo cáo tài chính và kế toán luôn đúng thời hạn, không có các sai sót trọng yếu.
- *Quản lý vốn và dòng tiền:*
 - Tình hình tài chính tốt, cân đối thu chi kịp thời. Các khoản chi phí lương, nợ phải trả.. đáp ứng kịp thời tiến độ thanh toán.
- *Quản lý và sắp xếp kho bãi:*
 - Quản lý kho bãi đã cải tiến và tốt hơn so với năm trước nhưng vẫn cần hoàn thiện và theo dõi sát hơn.

Đánh giá chung: Phòng TCKT đã hoàn thành các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2019 về hoạt động tài chính và kế toán. Hoàn thành vai trò quản trị hệ thống, kiểm soát thông tin và tham mưu với bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc luôn sâu sát nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
- Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm, lòng tự trọng và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách qui chế qui trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (*có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết*), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.
- Trong tổ chức thực hiện, thể hiện sự năng động, nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo, chịu nghiên cứu học hỏi, biết sử dụng các nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả, biết đúc kết kịp thời các kinh nghiệm.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận, đem lại những kết quả tốt trong năm 2019.

Hội đồng quản trị đề nghị Ban giám đốc chú trọng những hoạt động sau đây trong năm 2020:

- 1) Thường xuyên đánh giá định vị các sản phẩm chủ yếu để có những giải pháp, biện pháp củng cố các lợi thế cạnh tranh trong các thị trường mục tiêu.
- 2) Tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
- 3) Tiếp tục phát triển công ty theo hướng công nghiệp 4.0, tập trung vào đổi mới thiết bị sản xuất, cơ giới và tự động hóa một số công đoạn thủ công, cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin nội bộ qua internet.
- 4) Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xem đây là hai yếu tố cạnh tranh đặc biệt trong giai đoạn tới.
- 5) Đề cao hơn nữa tính chủ động của các trưởng bộ phận, trách nhiệm của từng cán bộ điều hành đối với tổ chức, hoạt động và kết quả trong từng lĩnh vực, bộ phận được giao; biểu dương và khen thưởng kịp thời hơn nữa để động viên người có thành tích mang đến hiệu quả chung cho công ty và từng lĩnh vực.
- 6) Khắc phục những hạn chế tồn tại (*nhất là những vấn đề tuy nhỏ nhưng lặp lại nhiều lần*) của các bộ phận chức năng, tiếp tục cải tiến các giải pháp cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 2,4% trong năm 2020, giảm so với mức 2,9% trong tháng 11.2019. Tuy nhiên, nếu dịch Covid-19 tiếp tục lan rộng và kéo dài thì tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay có thể giảm phân nửa và chỉ đạt 1,5%.

Hai kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2020 được bộ Kế hoạch Đầu tư dự báo tương ứng giả thiết dịch Covid-19 được khống chế trong quý I.2020 và quý II.2020, thì mức tăng trưởng GDP đều thấp hơn mục tiêu 6,8% đã đề ra, lần lượt là 6,25% hoặc 5,96%.

Đánh giá ảnh hưởng của dịch bệnh đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, bộ Kế hoạch Đầu tư nhận định, nếu dịch Covid-19 được khống chế trong quý I, tăng trưởng GDP dự kiến đạt 6,25% - thấp hơn 0,55% so với mục tiêu. Kịch bản thứ hai kém tích cực hơn, nếu dịch kết thúc ở quý II, tăng trưởng GDP giảm còn 5,96% - thấp hơn 0,84%.

Dịch bệnh lây lan kéo dài gây tổn thất trực tiếp lên các lĩnh vực như du lịch, vận tải và hoạt động xuất nhập khẩu. Tiếp đến, các nhóm ngành sản xuất và đầu tư sẽ chịu tác động gián tiếp.

Theo dự báo ngành nhựa thế giới đã bước vào giai đoạn bão hòa, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam cũng sẽ chậm lại trong giai đoạn 2019 – 2023.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2020 phải thách thức với nhiều vấn đề nghiêm trọng, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn.

Tuy nhiên với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm quản trị và thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống tương đối ổn định, thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững trước những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Trong năm 2020, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động sau đây nhằm nâng cao hơn nữa qui mô và hiệu quả hoạt động của công ty:

- 1) Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.***
- 2) Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.***
- 3) Chú trọng nắm bắt thông tin, đề cao quản trị rủi ro từ những biến động của thị trường và khách hàng để hạn chế tối đa hệ lụy đến công ty.***
- 4) Mở rộng các quan hệ với các đối tác, tìm cách giới thiệu và hỗ trợ cho Ban giám đốc tìm kiếm và khai thác cơ hội thị trường, trong đó thúc đẩy tiếp thị một số sản phẩm tiềm năng ở thị trường nội địa (Túi chứa nước ngọt cho các vùng hạn mặn)***
- 5) Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy việc phát triển đội ngũ kế thừa.***
- 6) Có những định hướng, ra quyết định kịp thời về chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của công ty luôn hiệu quả.***
- 7) Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.***
- 8) Đảm bảo quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của pháp luật.***

Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1) Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 20/03/2020.

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số lượng cp sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết	Ghi Chú
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	CT HĐQT	27/04/2016	896,700	3,67%	Tái bổ nhiệm
2	Ông Phạm Trung Cang	PCT HĐQT	07/05/2018	3,223,220	13,19%	Tái bổ nhiệm
3	Bà Tôn Thị Hồng Minh	PCT HĐQT	27/04/2016	704,000	2,88%	Tái bổ nhiệm
4	Ông Phạm Văn Mẹo	T/v HĐQT	27/04/2016	55,000	0,23%	Tái bổ nhiệm
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	T/v HĐQT	27/04/2016	177,160	0,73%	Tái bổ nhiệm
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	T/v HĐQT	27/04/2016	26,400	0,11%	Tái bổ nhiệm
7	Ông Trần Hữu Vinh	T/v HĐQT	27/04/2016	7,000	0,03%	Tái bổ nhiệm
8	Nguyễn Kim Ánh	T/v HĐQT	26/04/2019	-		Mới bổ nhiệm
9	Đoàn Thị Hồng Tươi	T/v HĐQT	26/04/2019	30,000	0,12%	Mới bổ nhiệm

2) Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



Bà PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- Trình độ: Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013 đến nay.



Ông PHẠM TRUNG CANG
Phó Chủ tịch HĐQT
Kiểm Tổng Giám Đốc

- Trình độ: Đại Học Kinh tế.
- Sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng năm 2017, TGD công ty từ 25/01/2019.



Bà TÔN THỊ HỒNG MINH
Phó CTHĐQT
Phó TGD & GD Kinh Doanh.

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



Ông PHẠM VĂN MỆO
Thành viên HĐQT- PTGD
kiêm GD Nhà máy (công ty con: Công ty TNHH TĐH).

- Trình độ: Trung cấp Hành chính.
- Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- Phó TGD Công ty từ 1993-2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Tham gia quản trị doanh nghiệp từ 1990.
- Phó TGD kiêm Giám đốc HCNS công ty 2005-2007
- PCT HĐQT kiêm TGD công ty từ 2007 đến 2013.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông TRẦN HỮU VINH
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc SX và gia công.

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
- Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Bà NGUYỄN THỊ THANH LOAN
Thành viên HĐQT
kiêm GD Tài chính

- Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT.
- 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
- Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



Ông NGUYỄN KIM ÁNH
Thành viên HĐQT

- Trình độ: Đại học Khoa học.
- **1994 - 2008:** Chủ cơ sở chế biến cao su Nguyễn Kim.
- **2008 - 2018:** GĐKD Cty CP Kinh doanh Đại Hưng Thịnh.
- **2018 đến nay:** Hưu trí
- Nghỉ hưu từ năm 2019
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 04/2019 đến nay.



Bà ĐOÀN THỊ HỒNG TƯỞI
Thành viên HĐQT

- Trình độ: Đại học Tài chính kế toán.
- **2009-2015:** KTT công ty dệt len F.S.
- **2015-2017:** KTT công ty bao bì nhựa Tân Vĩnh Lợi.
- **2017 đến nay:** KTT công ty East Wood Energy
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 04/2019 đến nay.

3) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT công ty không có tiêu bản.

4) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2018, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2019 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2019.
- Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.
- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 26/04/2019 đúng theo luật pháp và điều lệ công ty.
- Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2018 theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019.
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.
- Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2019:**

TT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	CT HĐQT	04/06	66.66%	Nghỉ hộ sản
2	Ông Phạm Trung Cang	PCT HĐQT	06/06	100%	
3	Bà Tôn Thị Hồng Minh	PCT HĐQT	06/06	100%	
4	Ông Phạm Văn Mẹo	T/v HĐQT	06/06	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	T/v HĐQT	06/06	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	T/v HĐQT	06/06	100%	
7	Ông Trần Hữu Vinh	T/v HĐQT	06/06	100%	
8	Nguyễn Kim Ánh	T/v HĐQT	03/06	50%	Mới bổ nhiệm 26/04/2019
9	Đoàn Thị Hồng Tươi	T/v HĐQT	03/06	50%	Mới bổ nhiệm 26/04/2019

- Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2019.**

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HDQT.2019	25/01/2019	Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động quý 4/2018, và cả năm 2018, Xác lập phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh cốt lõi năm 2019, các nhiệm vụ trọng tâm trong quý 01/2019, Bổ nhiệm lại chức danh tổng giám đốc.
2	02/NQ.HDQT.2019	15/03/2019	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, Thông qua báo cáo thường niên 2018, bổ nhiệm lại chức danh tổng giám đốc. Thông qua các văn bản trình Đại Hội đồng Cổ Đông thường niên 2019, Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2019.
3	03/NQ.HDQT.2019	24/04/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 01/2019, thông qua báo cáo tài chính quý Hợp nhất 01/2019, xác lập phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh quý 02/2019. Thông qua đơn từ nhiệm một thành viên BKS và ứng cử 01 Thành viên ban kiểm soát mới, đề bầu bổ sung đủ 03 thành viên trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Sửa đổi bổ sung các văn bản liên quan trong bộ tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2019.
4	01/NQ.ĐHĐCĐ.2019	26/04/2019	Tổ Chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2019, Thông qua báo cáo hoạt động năm 2018, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019, phương án chi trả cổ tức, và các tờ trình khác có liên quan trong đại hội cổ đông thường niên 2019.
5	04/NQ.HDQT.2019	03/08/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng/2019, thẩm định kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và thông qua chứng thư soát xét báo cáo bán niên do Cty Kiểm toán A&C lập. Xác định phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm, và một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT thông qua: việc thoái vốn đầu tư, chủ trương bán cổ phiếu quỹ, đầu tư thêm MMTB, thống nhất ngày chi trả Cổ tức ...
6	05/NQ.HDQT.2019	25/10/2019	Đánh giá KQSX kinh doanh 9 tháng/ năm 2019, thông qua báo cáo tài chính quý 03/2019, xác định phương hướng hoạt động kinh doanh quý 04/2019. HĐQT nhất trí thông qua tiếp tục đầu tư MMTB, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại mặt bằng thuê C115-C15 ..

- HĐQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, kết quả thực hiện tốt các nghị quyết trong năm dẫn đến hiệu quả tốt của công ty năm 2019.

5) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (có 03 thành viên HĐQT độc lập).

- Không tham gia vào hoạt động điều hành.
- Tham gia đầy đủ và nêu ý kiến tham gia biểu quyết. trong các cuộc họp HĐQT, góp ý vào các hoạt động của HĐQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HĐQT.

6) Không có thành viên HĐQT tham gia đào tạo về quản trị công ty trong năm 2019.

II. Ban Kiểm soát

1) Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	27/04/2016	2,050	0.10%
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	27/04/2016	33,600	0.16%
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng (đã từ nhiệm)	Thành viên	26/04/2019	0	0%
	Bà Lê Thị Minh Trí (bổ nhiệm thay thế)	Thành viên	26/04/2019	0	0%

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

 <p>Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA <i>Trưởng Ban Kiểm Soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT. <input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999. <input type="checkbox"/> Kế toán trưởng công ty TNHH TĐH từ 2006-2015. <input type="checkbox"/> Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007. 	 <p>Bà ĐÀO THANH TUYỀN <i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT. <input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1998. <input type="checkbox"/> Thành viên HĐQT từ 2007-2011 <input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ 2012 đến nay. 	 <p>Bà LÊ THỊ MINH TRÍ <i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Trình độ: Cao đẳng TCKT. <input type="checkbox"/> Làm việc tại công ty ĐHP từ năm 2004, phụ trách về kế toán tổng hợp <input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ 04/2019.
---	---	---

2) Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019

a) Ban Kiểm Soát đã tham gia các buổi dự họp với các thành viên HĐQT :

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	06/06	100%	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	06/06	100%	
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên	03/06	50%	Từ nhiệm
	Bà Lê Thị Minh Trí	Thành viên	03/06	50%	Bổ nhiệm thay thế

Kết quả các cuộc họp với HĐQT :

- HĐQT đã thực hiện đúng theo điều lệ Cty, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược kinh doanh năm 2019. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động từng quý và cả năm. Xác lập các phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh cốt lõi năm 2019, các nhiệm vụ trọng tâm trong từng quý.
- Thực thi các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong năm 2019, công bố thông tin theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp và thảo luận với BKS, BGĐ và các trưởng phòng ban. Biên bản họp HĐQT của Công ty đều được gửi đến các thành viên ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý

kiến đóng góp kịp thời.

BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp với BGD Cty.

Kết quả các cuộc họp với BGD :

- BGD tuân thủ điều lệ và quy chế nội bộ Cty trong việc quản lý và điều hành.
- BGD đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo định hướng của HĐQT.
- BGD tiến hành họp hàng tháng để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng, tình hình sử dụng vốn, phân tích nguyên nhân tăng giảm các chỉ tiêu tài chính.

b) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

- Thực hiện theo đúng chức năng, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp, tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính từng tháng, từng quý.
- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp các qui trình, qui chế nội bộ của Công ty.

c) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Thường xuyên phối hợp, trao đổi thảo luận giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc.
- BKS đều được mời tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty.

d) Đánh giá báo cáo sơ kết, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:

- BKS đã phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- Về báo cáo tài chính năm 2019 của công ty : đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

e) Đánh giá chung hoạt động của BKS :

- Trong năm 2019, BKS đã hoàn thành tốt các chức năng kiểm tra và giám sát các hoạt động của HĐQT và BGD Cty.
- BKS đánh giá cao HĐQT và BGD Cty, đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của BKS:

- Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.
- Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- Không có Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : HĐQT và BGD Cty đã thực hiện các quy định về quản trị Cty. Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT và BGD được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT và BGD phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Cty.

4) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- 1) BKS cần tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- 2) Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.
- 3) Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính tháng, quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- 4) Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và kiểm tra việc tuân thủ điều lệ và các quy chế nội bộ.
- 5) Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư theo đúng quy định.
- 6) Thực hiện các công tác khác.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

1) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

Stt	Tên cá nhân	Chức vụ	Số tiền thù lao năm 2019 (VNĐ)	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT	120,000,000	
2	Tôn Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	120,000,000	
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên HĐQT	120,000,000	
4	Phạm Văn Mẹo	Thành viên HĐQT	120,000,000	
5	Phạm Trung Cang	Thành viên HĐQT	120,000,000	
6	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	120,000,000	
7	Trần Hữu Vinh	Thành viên HĐQT	120,000,000	
8	Nguyễn Kim Ánh	Thành viên HĐQT	120,000,000	
9	Đoàn Thị Hồng Tươi	Thành viên HĐQT	120,000,000	
Ban kiểm soát				
1	Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	120,000,000	
2	Đào Thanh Tuyền	Thành viên BKS	100,000,000	
3	Lê Thị Minh Trí	Thành viên BKS	100,000,000	
Tổng cộng			1,400,000,000	

2) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:**

Trong năm 2019, Các thành viên HĐQT có giao dịch cổ phiếu như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tôn Thị Hồng Minh	Phó CT. HĐQT	304,000	1.43%	704,000	2.88%	Mua thêm 400.000 Cổ phiếu TPC
2	Phạm Văn Mẹo	TV.HĐQT- kiêm TGD	35,000	0.14%	55,000	0.23%	Mua thêm 20.000 Cổ phiếu TPC
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	TV.HĐQT- GĐTC	127,160	0.52%	177,160	0.73%	Mua thêm 50.000 Cổ phiếu TPC
4	Đoàn Thị Hồng Tươi	TV. HĐQT	-	0	30,000	0.12%	Đầu tư mua 30.000 Cổ phiếu TPC

3) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không có giao dịch trong năm 2019.

4) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- HĐQT và BGD Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 37
8. Phụ lục	38 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 39 737 277 - 39 737 278
- Fax : (84 – 28) 39 737 279 - 39 737 276

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Trung Cang	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Kim Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đoàn Thị Hồng Tươi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Dũng	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Minh Trí	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đào Thanh Tuyền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phạm Văn Mẹo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Trung Cang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Ông Phạm Trung Cang	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Đỗ Diễm Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016).

Bà Phạm Đỗ Diễm Hương đã ủy quyền cho Bà Tôn Thị Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Số: 1.0457/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		476.425.612.950	467.385.665.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.892.001.815	41.430.643.779
1. Tiền	111		15.892.001.815	14.558.921.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	26.871.722.222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.000.000.000	51.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	84.000.000.000	51.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.397.016.979	165.900.223.372
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	106.796.346.691	155.190.323.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.435.938.039	2.353.202.687
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.459.000.389	8.650.965.722
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.294.268.140)	(1.294.268.140)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	214.122.019.952	201.692.121.582
1. Hàng tồn kho	141		214.122.019.952	201.692.121.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.014.574.204	7.362.676.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.255.595.092	1.686.151.516
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.758.979.112	5.676.525.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

05
 26
 H1
 TC
A
 14

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.939.885.131	194.991.814.199	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.141.858.148	22.930.435.024	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.141.858.148	22.930.435.024	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	
II. Tài sản cố định	220		182.623.262.915	70.345.638.209	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	149.423.262.915	70.345.638.209	
- Nguyên giá	222		249.614.687.771	159.119.725.135	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.191.424.856)	(88.774.086.926)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	
- Nguyên giá	225		-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.200.000.000	-	
- Nguyên giá	228		33.364.800.000	164.800.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.800.000)	(164.800.000)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	<u>446</u>
- Nguyên giá	231		-	-	NG
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-	HIỂN
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-	INV
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	&
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-	<u>T.P</u>
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.347.397	11.585.699.299	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	347.397	12.393.326.995	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(807.627.696)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.000.000.000	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.174.416.671	90.130.041.667	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.174.416.671	90.130.041.667	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
5. Lợi thế thương mại	269		-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		666.365.498.081	662.377.479.493	

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		330.591.735.877	334.641.845.071
I. Nợ ngắn hạn	310		330.591.735.877	334.641.845.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	39.323.855.518	38.539.387.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	19.057.937.061	5.764.795.463
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.395.084.103	6.258.863.013
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.581.896.516	11.007.220.184
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	682.680.586	566.148.576
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.498.377.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	27.278.430.004	13.930.439.702
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	237.271.852.089	257.076.613.199
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

31/12/2019
TY
HỮU
SI
TU
SI
C
HỮU

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		335.773.762.204	327.735.634.422
I. Vốn chủ sở hữu	410		335.773.762.204	327.735.634.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	82.683.222.451	86.242.518.451
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18	(24.593.180.860)	(40.632.476.860)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	33.377.760.613	37.819.632.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.296.885.630	37.819.632.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.080.874.983	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		666.365.498.081	662.377.479.493

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng




Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

8

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	781.060.893.734	713.685.054.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		781.060.893.734	713.685.054.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	710.317.006.650	645.762.638.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.743.887.084	67.922.415.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.189.011.519	14.191.292.433
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.282.417.151	14.339.244.527
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.334.596.928	7.328.364.460
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	21		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	23.464.719.928	16.692.963.160
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.801.182.536	22.936.254.349
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.384.578.988	28.145.245.977
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.655.236.551	9.804.084.239
13. Chi phí khác	32	VI.8	64.441.196	26.656.515
14. Lợi nhuận khác	40		4.590.795.355	9.777.427.724
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.975.374.343	37.922.673.701
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.894.499.360	7.779.442.403
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.080.874.983</u>	<u>30.143.231.298</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>21.080.874.983</u>	<u>30.143.231.298</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>989</u>	<u>1.417</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>989</u>	<u>1.417</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Hồ Nhật Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.975.374.343	37.922.673.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	11.682.565.190	9.872.972.695
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	(807.627.696)	(2.040.490.157)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	2.411.776	(1.831.827.066)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(4.942.858.779)	(7.528.972.358)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.334.596.928	7.328.364.460
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.244.461.762	43.722.721.275
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.833.878.443	(59.233.596.618)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.429.898.370)	(59.821.554.056)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20.100.443.464	52.757.537.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.386.181.420	3.390.541.736
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15; VI.4	(8.291.782.166)	(7.280.054.620)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(7.862.535.415)	(4.700.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.980.749.138	(31.164.404.411)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10; VII.	(20.136.643.773)	(19.645.015.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	96.500.000	120.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(58.000.000.000)	(23.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	23.000.000.000	121.023.691.389
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b; VI.3	11.967.396.000	3.472.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	5.446.832.452	9.495.253.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.625.915.321)	90.966.429.331

Bảo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	12.480.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	484.676.673.115	471.438.593.954
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(503.640.202.520)	(475.709.878.449)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16; V.18	(25.436.836.801)	(31.832.868.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(31.920.366.206)</u>	<u>(36.104.152.495)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.434.467.611	23.697.872.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	41.430.643.779	17.862.092.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.890.425	(129.321.157)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>44.892.001.815</u>	<u>41.430.643.779</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

= 4 N H I T

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 641 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 639 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

12

9815
GTY
M HUU
VA TU
C
PHOI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

15



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê nhà xưởng và chi phí sửa chữa,.... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê nhà xưởng

Chi phí thuê nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (34 năm 03 tháng).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

19



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	468.222.708	190.014.921
Tiền gửi ngân hàng	15.423.779.107	14.368.906.636
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	<u>29.000.000.000</u>	<u>26.871.722.222</u>
Cộng	<u>44.892.001.815</u>	<u>41.430.643.779</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

4987
IGT
HỆM HỀ
H VÀ T
& I
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Cộng	86.000.000.000	86.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 84.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 17).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	198.949	-	-	198.949	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	148.448	-	148.448	2.393.128.046	(807.627.696)	1.585.500.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	10.000.000.000	-	-
Cộng	347.397	-	-	12.393.326.995	(807.627.696)	-

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng 112.840 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam với giá chuyển nhượng là 1.967.396.000 VND.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu trả lại vốn góp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	807.627.696	2.848.117.853
Hoàn nhập dự phòng	(807.627.696)	(2.040.490.157)
Số cuối năm	-	807.627.696

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	24.518.068.500
Công ty TNHH Đại Hưng	-	24.517.040.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	-	1.028.500
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	106.796.346.691	130.672.254.603
Aqua Dam Inc.	30.954.585.931	38.798.101.936
Yomizo Trading	14.383.351.189	22.310.049.624
Phải thu các khách hàng khác	61.458.409.571	69.564.103.043
Cộng	106.796.346.691	155.190.323.103

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu dài hạn Aqua Dam Inc..

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
IVICT (Singapore) Pte. Ltd.	6.754.072.050	-
Hengli Machinery (HongKong) Co., Ltd.	2.717.444.000	-
Shanghai Dagui International Trade Co., Ltd.	764.610.000	-
Starlinger & Co., Ltd	-	2.004.479.998
Các nhà cung cấp khác	1.199.811.989	348.722.689
Cộng	11.435.938.039	2.353.202.687

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	450.906.355	-	1.615.918.355	-
Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô	4.518.845.456	-	4.518.845.456	-
Tiền lãi có kỳ hạn dự thu	2.184.700.000	-	2.200.290.313	-
Lãi tiền cho vay	-	-	16.163.385	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	304.548.578	-	299.748.213	-
Cộng	7.459.000.389	-	8.650.965.722	-

6. Nợ xấu

Tập đoàn chỉ có khoản nợ xấu là khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phú về tiền bán hàng với số tiền 1.294.268.140 VND đã quá hạn trên 03 năm. Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này là 0 VND.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2.504.700.000	-	12.098.806.025	-
Nguyên liệu, vật liệu	62.864.281.722	-	57.058.741.705	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	137.222.791.714	-	123.764.498.176	-
<i>Bán thành phẩm</i>	<i>129.176.035.413</i>	<i>-</i>	<i>123.764.498.176</i>	<i>-</i>
<i>Dự án túi nước ngọt</i>	<i>8.046.756.301</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	11.360.089.543	-	8.449.145.320	-
Hàng hóa	170.156.973	-	320.930.356	-
Cộng	214.122.019.952	-	201.692.121.582	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 17).

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	588.929.092	19.484.850
Chi phí thuê nhà xưởng	1.000.000.000	-
Chi phí sửa chữa	1.666.666.000	1.666.666.666
Cộng	<u>3.255.595.092</u>	<u>1.686.151.516</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	4.174.416.671	2.130.041.667
Chi phí thuê nhà xưởng (*)	-	88.000.000.000
Cộng	<u>4.174.416.671</u>	<u>90.130.041.667</u>

(*) Trong năm, Tập đoàn đã ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Công ty TNHH Đại Hưng.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.620.079.680	137.995.822.819	16.159.744.804	344.077.832	159.119.725.135
Mua trong năm	73.400.000.000	16.083.599.000	1.419.727.273	-	90.903.326.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(408.363.637)	-	-	(408.363.637)
Số cuối năm	<u>78.020.079.680</u>	<u>153.671.058.182</u>	<u>17.579.472.077</u>	<u>344.077.832</u>	<u>249.614.687.771</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.620.079.680	48.139.218.065	2.030.857.563	344.077.832	55.134.233.140
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.496.413.022	76.740.635.659	7.192.960.413	344.077.832	88.774.086.926
Khấu hao trong năm	123.666.658	9.645.138.389	1.913.760.143	-	11.682.565.190
Thanh lý, nhượng bán	-	(265.227.260)	-	-	(265.227.260)
Số cuối năm	<u>4.620.079.680</u>	<u>86.120.546.788</u>	<u>9.106.720.556</u>	<u>344.077.832</u>	<u>100.191.424.856</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	123.666.658	61.255.187.160	8.966.784.391	-	70.345.638.209
Số cuối năm	<u>73.400.000.000</u>	<u>67.550.511.394</u>	<u>8.472.751.521</u>	<u>-</u>	<u>149.423.262.915</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Nhà xưởng có giá trị còn lại theo sổ sách là 73.400.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	164.800.000	164.800.000
Mua trong năm	33.200.000.000	-	33.200.000.000
Số cuối năm	33.200.000.000	164.800.000	33.364.800.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	164.800.000	164.800.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	164.800.000	164.800.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	164.800.000	164.800.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	33.200.000.000	-	33.200.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 33.200.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	5.264.624.946	3.524.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	3.432.829.193	4.618.634.714
Các nhà cung cấp khác	30.626.401.379	30.396.752.948
Cộng	39.323.855.518	38.539.387.662

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bến Tre	13.759.625.563	-
Hummingbag Co., Ltd.	4.760.596.941	1.647.566.792
Ly Eco Co., Ltd.	-	2.782.231.464
Các khách hàng khác	537.714.557	1.334.997.206
Cộng	19.057.937.061	5.764.795.463

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

33/01
 C
 ÍCH
 MTC
 A
 NH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.740.078.804	(4.241.087.458)	498.991.346
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.256.252.190	(9.256.252.190)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.045.647	(7.045.647)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.211.088.049	4.894.499.360	(7.862.535.415)	3.243.051.994
Thuế thu nhập cá nhân	47.774.964	2.164.195.442	(1.558.929.643)	653.040.763
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	6.258.863.013	21.068.071.443	(22.931.850.353)	4.395.084.103

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.975.374.343	37.922.673.701
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.065.210.852	974.538.311
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	27.040.585.195	38.897.212.012
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.408.117.039	7.779.442.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(513.617.679)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.894.499.360	7.779.442.403

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 còn phải trả.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

449
NG
HIỆM
ẤN VÀ
&
T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	417.600.000	374.785.238
Chi phí gia công phải trả	265.080.586	191.363.338
Cộng	682.680.586	566.148.576

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>11.300.000.000</i>
Ông Phạm Trung Cang – Tiền mượn phải trả	22.000.000.000	11.300.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.278.430.004</i>	<i>2.630.439.702</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.359.154.644	1.229.074.742
Cổ tức phải trả	1.374.475.360	1.288.564.960
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh – Phải trả tiền kinh phí ⁽ⁱ⁾	2.410.000.000	-
Trả trước theo Hợp đồng chuyên nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	112.800.000	112.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.000.000	-
Cộng	27.278.430.004	13.930.439.702

⁽ⁱ⁾ Là khoản kinh phí phải trả cho Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thực hiện dự án Khoa học và Công nghệ số 03/2019/HĐ-KHCN-TNB.ĐT/14-19.C41 ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Sản xuất túi dự trữ nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho dân cư ở các vùng chịu thiệt hại xâm nhập mặn và thí điểm tại tỉnh Bến Tre”.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	77.465.535.350	41.082.444.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	66.278.595.950	69.888.225.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.015.417.440	97.764.916.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ^(iv)	25.342.303.349	29.958.739.999
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	23.170.000.000	18.382.288.000
Cộng	237.271.852.089	257.076.613.199

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh V.2a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

15-C
C
T
Y
T
U
H
A
I
T
U
V
A
I
C
H
I
T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	257.076.613.199	256.657.530.555
Số tiền vay phát sinh	484.676.673.115	471.438.593.954
Số tiền vay đã trả	(503.640.202.520)	(475.709.878.449)
Chênh lệch tỷ giá	(841.231.705)	4.690.367.139
Số cuối năm	237.271.852.089	257.076.613.199

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	39.579.835.533	329.495.837.124
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	30.143.231.298	30.143.231.298
Chia cổ tức	-	-	-	(31.903.434.000)	(31.903.434.000)
Số dư cuối năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	37.819.632.831	327.735.634.422
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	37.819.632.831	327.735.634.422
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(3.559.296.000)	16.039.296.000	-	12.480.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	21.080.874.983	21.080.874.983
Chia cổ tức	-	-	-	(25.522.747.201)	(25.522.747.201)
Số dư cuối năm nay	244.305.960.000	82.683.222.451	(24.593.180.860)	33.377.760.613	335.773.762.204

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	33.825.900.000	33.825.900.000
Ông Phạm Trung Cang	32.232.200.000	32.232.200.000
Các cổ đông khác	178.247.860.000	178.247.860.000
Cộng	244.305.960.000	244.305.960.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu phổ thông	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.913.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.913.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.516.956	21.268.956
- Cổ phiếu phổ thông	22.516.956	21.268.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019 với số tiền 25.522.747.200 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**19a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	372.531,27	500.542,39
Euro (EUR)	20,87	20,87

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty FOKUS - H.S.R.O với số tiền 77.513,81 USD, tương đương 1.646.858.492 VND đã được xóa sổ do đã quá hạn trên 03 năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	12.995.831.561	28.874.882.850
Doanh thu bán thành phẩm	762.507.315.915	679.287.340.351
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.238.546.258	5.223.831.060
Doanh thu khác	319.200.000	299.000.000
Cộng	781.060.893.734	713.685.054.261

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc với số tiền là 2.562.980.000 VND (năm trước là 22.214.496.500 VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán	11.193.112.242	26.838.380.168
Giá vốn của thành phẩm đã bán	693.912.497.209	613.535.137.171
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.062.182.622	5.218.964.367
Giá vốn khác	149.214.577	170.156.975
Cộng	<u>710.317.006.650</u>	<u>645.762.638.681</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.357.905.138	8.565.812.330
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.897.206	49.274.246
Lãi tiền cho vay	57.173.616	36.164.385
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	(425.583.598)	(1.193.004.357)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	807.627.696	2.091.271.307
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	500.551.901	2.363.657.604
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.870.439.560	2.278.116.918
Cộng	<u>8.189.011.519</u>	<u>14.191.292.433</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	8.334.596.928	7.328.364.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.425.586.546	6.421.518.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	502.963.677	531.830.538
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	50.781.150
Chi phí tài chính khác	19.270.000	6.749.501
Cộng	<u>10.282.417.151</u>	<u>14.339.244.527</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì	11.584.489	53.693.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.116.064	103.685.506
Chi phí vận chuyển	18.317.961.813	14.335.184.248
Chi phí hoa hồng môi giới	351.145.484	208.494.600
Các chi phí khác	4.642.912.078	1.991.905.215
Cộng	<u>23.464.719.928</u>	<u>16.692.963.160</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	17.457.972.861	14.839.623.238
Chi phí vật liệu quản lý	419.740.446	1.293.282.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.575.692.732	1.446.357.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.497.156	1.403.514.591
Các chi phí khác	3.508.279.341	3.953.476.626
Cộng	<u>23.801.182.536</u>	<u>22.936.254.349</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

0300
CỔ
ÁCH N
M TQ
A
TÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	120.000.000
Thu nhập tiền trực in	4.629.947.301	9.683.097.660
Các khoản thu nhập khác	25.289.250	986.579
Cộng	<u>4.655.236.551</u>	<u>9.804.084.239</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.636.377	-
Thuế bị phạt	7.257.780	5.000.000
Các khoản chi phí khác	10.547.039	21.656.515
Cộng	<u>64.441.196</u>	<u>26.656.515</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	21.080.874.983	30.143.231.298
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.080.874.983	30.143.231.298
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.316.394	21.268.956
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>989</u>	<u>1.417</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	628.134.787.619	597.384.274.554
Chi phí nhân công	97.631.727.428	83.588.039.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.682.565.190	9.872.972.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.412.240.498	201.378.217.257
Chi phí khác	106.987.988.927	95.925.474.813
Cộng	<u>1.116.849.309.662</u>	<u>988.148.978.949</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch thu hồi khoản cho vay bằng cách bù trừ với công nợ phải trả với số tiền 1.000.000.000 VND và cần trừ công nợ mua sắm tài sản cố định với số tiền là 119.031.024.000 VND. Ngoài ra Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định	-	11.165.000.000
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	3.899.341.500	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

31

 149
 NG
 NIÊM
 N V
 &
 T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tiền mượn với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 63.900.000.000 (năm trước phát sinh giao dịch về tiền mượn và tiền vay với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền lần lượt là 42.300.000.000 VND và 6.000.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.503.120.000 VND (năm trước là 3.139.779.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	Người đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Hưng		
Mua tài sản cố định	106.600.000.000	-
Thuê nhà xưởng	1.000.000.000	-
Giảm chi phí thuê nhà xưởng	82.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

15-C
TY
HỮU NH
TƯ VỊ
C
10CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc</i>		
Thuê văn phòng	240.000.000	240.000.000
Mua hạt nhựa	65.954.690.911	79.330.627.726
Tiền điện	69.593.566	17.901.390
Thu hộ tiền điện, nước	-	54.826.000

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	287.262.131.010	279.485.707.504
Các nước Châu Âu	493.798.762.724	434.199.346.757
Cộng	<u>781.060.893.734</u>	<u>713.685.054.261</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.892.001.815	-	-	44.892.001.815
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	-	-	86.000.000.000
Phải thu khách hàng	105.502.078.551	-	1.294.268.140	106.796.346.691
Các khoản phải thu khác	7.008.094.034	-	-	7.008.094.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	347.397	-	-	347.397
Cộng	243.402.521.797	-	1.294.268.140	244.696.789.937
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.430.643.779	-	-	41.430.643.779
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
Phải thu khách hàng	176.826.489.987	-	1.294.268.140	178.120.758.127
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	7.035.047.367	-	-	7.035.047.367
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	2.393.326.995	12.393.326.995
Cộng	287.292.181.133	-	3.687.595.135	290.979.776.268

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	39.323.855.518	-	39.323.855.518
Các khoản phải trả khác	26.601.955.946	-	26.601.955.946
Vay và nợ	237.271.852.089	-	237.271.852.089
Cộng	303.197.663.553	-	303.197.663.553
Số đầu năm			
Phải trả người bán	38.539.387.662	-	38.539.387.662
Các khoản phải trả khác	13.267.513.536	-	13.267.513.536
Vay và nợ	257.076.613.199	-	257.076.613.199
Cộng	308.883.514.397	-	308.883.514.397

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với dòng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.531,27	20,87	500.542,39	20,87
Phải thu khách hàng	2.890.486,78	-	4.532.420,73	-
Phải trả người bán	-	-	(196.428,75)	-
Vay và nợ	(10.240.477,00)	-	(11.080.888,50)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(6.977.458,95)	20,87	(6.244.354,13)	20,87

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

35



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.233.354.478 VND (năm trước giảm/tăng 2.317.904.253 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 10.240.477,00 USD (số đầu năm là 11.080.888,50 USD).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 148.448 VND (số đầu năm là 1.585.500.350 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và khoản tương đương tiền để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 84.000.000.000 VND (số đầu năm là 77.871.722.222 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

498
IG
EM
VVA
&
T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.892.001.815	-	41.430.643.779	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	106.796.346.691	(1.294.268.140)	178.120.758.127	(1.294.268.140)
Phải thu về cho vay	-	-	1.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	7.008.094.034	-	7.035.047.367	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	347.397	-	12.393.326.995	(807.627.696)
Cộng	244.696.789.937	(1.294.268.140)	290.979.776.268	(2.101.895.836)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	39.323.855.518	38.539.387.662
Các khoản phải trả khác	26.601.955.946	13.267.513.536
Vay và nợ	237.271.852.089	257.076.613.199
Cộng	303.197.663.553	308.883.514.397

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Hồ Nhật Minh
Người lập biểuNguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởngTôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc15-C
Y
ĐƯ H
TƯ V
C
50

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.995.831.561	762.507.315.915	5.557.746.258	-	781.060.893.734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	124.878.044.727	237.688.564.504	6.000.000.000	(368.566.609.231)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.873.876.288	1.000.195.880.419	11.557.746.258	(368.566.609.231)	781.060.893.734
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.016.276.531	22.451.686.063	10.022.026	-	23.477.984.620
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					23.477.984.620
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.189.011.519
Doanh thu hoạt động tài chính					(10.282.417.151)
Chi phí tài chính					4.655.236.551
Thu nhập khác					(64.441.196)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.894.499.360)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					21.080.874.983
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.157.036.624	126.560.289.649	-	-	128.717.326.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	339.384.892	19.912.805.297	-	-	20.252.190.189
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 41/4 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản phân bổ của bộ phận	41.992.850.904	538.372.299.780	-	-	580.365.150.684
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					86.000.347.397
Tổng tài sản					666.365.498.081
Nợ phải trả phân bổ của bộ phận	7.852.985.020	322.738.750.857	-	-	330.591.735.877
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					330.591.735.877
Số đầu năm	24.456.144.115	575.335.636.079	-	-	599.791.780.194
Tài sản trực tiếp của bộ phận					62.585.699.299
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					662.377.479.493
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.644.817.185	320.997.027.886	-	-	334.641.845.071
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					334.641.845.071

Đơn vị tính: VND



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu




Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Đỗ Diễm Hương